



BẢN TIN ĐIỆN TỬ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

RESEARCH BULLETIN

SỐ 06 - THÁNG 06/2017 - VOLUME: 06 – JUNE, 2017

LƯU HÀNH NỘI BỘ

® Bản tin này được tổng hợp từ các báo cáo, đề tài nghiên cứu định kỳ hàng tháng liên quan đến lĩnh vực kinh tế tài chính – ngân hàng của các tổ chức quốc tế WB, ADB, IMF, BIS và thông tin kết quả nghiên cứu của các đề tài cấp nhà nước, cấp ngành của NHNN, các Bộ, ngành TW của Việt Nam, các thông tin Hội thảo của các Viện nghiên cứu, trường đại học, ấn phẩm khoa học của các NXB có uy tín tại Việt Nam phù hợp với quy định pháp luật về báo chí và bản quyền.

® Mọi quan điểm, nội dung trong Bản tin đều được dịch hoặc căn cứ vào thông tin khoa học chính thống, chỉ có hàm ý cung cấp thông tin

CHỊU TRÁCH NHIỆM
XUẤT BẢN

VIỆN CHIẾN LƯỢC
NGÂN HÀNG

Bản tin phát hành định kỳ vào ngày 10 hàng tháng, được gửi trực tiếp qua email và đăng tải trên Cổng thông tin khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng:
khoahocnganhang.org.vn

Liên hệ

Email:
research.bsi@sbv.gov.vn

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

Địa chỉ:
Tầng 7, tòa nhà 25 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.



THÔNG TIN KHOA HỌC QUỐC TẾ

NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ

Quản lý dòng vốn và chi phí nợ	Mở rộng đầu tư công và nợ bền vững: trường hợp đầu tư ngành năng lượng ở khu vực Caribe	Bảo hiểm tiền gửi, chuyển tiền và đô la hóa: Bằng chứng dựa trên khảo sát từ quốc gia có lượng kiều hối lớn nhất	Mối liên kết ràng buộc: Xem xét lại “bộ ba bất khả thi” tại các nền kinh tế thị trường mới nổi
Những quy định hạn chế đối với dòng vốn vào khiến khoản chênh lệch lãi suất trái phiếu doanh nghiệp tăng lên đáng kể và có ý nghĩa về mặt kinh tế. <u>Chi tiết</u>	Tác giả đề xuất một cách tiếp cận từ dưới lên để đánh giá các khoản đầu tư công lớn có khả năng tự huy động và phản ánh tác động của chúng trong các dự báo tài khóa-vĩ mô. <u>Chi tiết</u>	Nghiên cứu này khảo sát các cá nhân nhận kiều hối từ Tajikistan để nghiên cứu tác động của việc nhận thức chính sách tới hành vi của người tiêu dùng. <u>Chi tiết</u>	Bài viết này kiểm chứng nhận định rằng chế độ tỷ giá có mối quan hệ với sự truyền dẫn các điều kiện tài chính toàn cầu tới điều kiện tài chính và vĩ mô trong nước thông qua tập trung vào mẫu gồm khoảng 40 nền kinh tế mới nổi Trong giai đoạn 1986-2013. <u>Chi tiết</u>
Quy tắc chính sách tiền tệ tại Trung Quốc: từ chính sách thích ứng với lạm phát đến chính sách chống lạm phát	Tác động của cú sốc chính sách tiền tệ đến bất bình đẳng ở Nhật Bản	Chính sách an toàn vĩ mô và rủi ro ngân hàng	Các thị trường mới nổi có nên lo lắng trước các thông báo về chính sách tiền tệ của Hoa Kỳ?
Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu sâu hơn về các quy tắc chính sách tiền tệ tại Trung Quốc từ giữa những năm 1990, trong đó tập trung vào vai trò của lạm phát. Chúng tôi đánh giá các quy tắc chính sách tiền tệ được thực thi bởi Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) bằng cách xem xét cả sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế của Trung Quốc cũng như quá trình phát triển của khuôn khổ chính sách tiền tệ tại quốc gia này. <u>Chi tiết</u>	Tác động của nới lỏng tiền tệ tới vấn đề bất bình đẳng đang thu hút sự chú ý của các học giả trên toàn cầu. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng bộ dữ liệu vi mô về các hộ gia đình Nhật Bản để nghiên cứu tác động phân phối (distributional effect) của chính sách tiền tệ. <u>Chi tiết</u>	Nghiên cứu này đánh giá tác động của các chính sách an toàn vĩ mô đến rủi ro ngân hàng thông qua dữ liệu hoạt động của các ngân hàng tại 61 quốc gia phát triển và mới nổi. <u>Chi tiết</u>	Báo cáo phân tích tác động lan tỏa của các thông báo về chính sách tiền tệ lên các nền kinh tế mới nổi kể từ cuối năm 2008, trùng với giai đoạn áp dụng các chính sách phi truyền thống. <u>Chi tiết</u>
Các động lực của thanh khoản toàn cầu	Gián đoạn tài chính và cải thiện chu kỳ lao động	Tác động của quản lý địa phương lên hiệu suất của công ty và phân bổ nguồn lực: bằng chứng thực nghiệm từ Việt Nam	Toàn cầu hóa tài chính và biến động thị trường: một nghiên cứu đánh giá thực nghiệm
Giai đoạn hậu khủng hoảng đã chứng kiến sự dịch chuyển đáng kể về cấu trúc và động lực của luồng vốn tín dụng ngân hàng quốc tế (international bank lending) và phát hành	Để có thể hiểu những tác động của dòng chuyển đổi việc làm giữa các cú sốc tài chính, nghiên cứu đã mô hình hóa một khuôn khổ tìm kiếm lao động cân bằng tổng thể trong đó có	Chất lượng quản trị có vai trò then chốt trong việc phát triển khu vực tư nhân: các quan chức có thẩm quyền không chỉ đề ra những chính sách và quy định hợp lý, mà còn thực	Nghiên cứu này tính toán một chỉ số toàn cầu hóa tài chính mới cho một mẫu lớn gồm các quốc gia trong giai đoạn 1992 – 2016. <u>Chi tiết</u>

trái phiếu quốc tế (international bond issuance) - hai thành phần chính của thanh khoản toàn cầu. Chi tiết	tích hợp các tìm kiếm việc làm (OTJ) và tính đến các tác động chênh lệch của các cú sốc TFP và tài chính. Chi tiết	thi hiệu quả chính sách để xây dựng môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp. Bài viết này nghiên cứu về sự phân cấp của Việt Nam trong các nhiệm vụ quản lý hành chính từ đầu những năm 2000 để kiểm chứng giả thuyết này. Chi tiết	
Các tác động truyền dẫn từ các thị trường mới nổi quan trọng đến mức nào?	Cấu phần tín dụng, cấu phần sản lượng đầu ra và cân bằng đối ngoại	Quản lý trái phiếu Châu Á – tháng 6 năm 2017	Sáng kiến Thị trường Trái phiếu Châu Á: thành tựu và thách thức của các nhà hoạch định chính sách
7 nền kinh tế thị trường mới nổi lớn nhất – Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil, Nga, Mexico, Indonesia và Thổ Nhĩ Kỳ - chiếm hơn ¼ sản lượng toàn cầu và hơn một nửa tăng trưởng sản lượng toàn cầu trong giai đoạn 2010-2015. Những thị trường mới nổi này, được gọi là EM7, cũng có mối liên hệ chặt chẽ với các quốc gia khác, đặc biệt là các thị trường mới nổi và thị trường cận biên. Chi tiết	Bài viết này dựa trên nghiên cứu gần đây khảo sát tác động của tài chính đến các kết quả kinh tế. Chi tiết	Triển vọng kinh tế toàn cầu tiếp tục được cải thiện đã giúp giảm lợi tức trái phiếu ở hầu hết các thị trường mới nổi Đông Á trong bối cảnh tâm lý nhà đầu tư tích cực. Chi tiết	Bài viết mô tả các thành tựu đạt được trong Sáng kiến Thị trường Trái phiếu Châu Á và định hướng của ASEAN + 3 trong trung hạn. Chi tiết
Công cuộc chuyển đổi hướng tới một nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có thu nhập cao: những thách thức và khuyến nghị			
Tăng trưởng nhanh đã dẫn đến những cải tiến cũng như những thách thức cho Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa. Báo cáo này tóm tắt các phát hiện nghiên cứu và khuyến nghị chính sách cho Kế hoạch 5 năm lần thứ 13 của chính phủ. Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (PRC) đã có tăng trưởng kinh tế đáng chú ý trong ba thập niên qua. Chi tiết			

NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ CHUYÊN SÂU

KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ VỀ NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG HẬU KHỦNG HOẢNG TÀI CHÍNH TOÀN CẦU

Hoạt động ngân hàng trung ương đang liên tục thay đổi, và thậm chí còn thay đổi nhiều hơn sau Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu. Những diễn biến đáng lưu ý bao gồm, chẳng hạn như, việc sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ phi truyền thống tại nhiều nền kinh tế tiên tiến, đã phần nào dẫn tới tình trạng mở rộng và đa dạng hóa bảng cân đối của nhiều ngân hàng trung ương. Hơn nữa, nhiệm vụ cũng như chức năng của các ngân hàng trung ương vẫn tiếp tục là những chủ đề được đặt ra trong các cuộc thảo luận. Các chức năng “mới” như chính sách an toàn vĩ mô và xử lý các ngân hàng yếu kém (resolution) vẫn là những nội dung hàng đầu. Các thảo luận về vai trò của ngân hàng trung ương trong việc duy trì tính toàn vẹn tài chính và góp phần bảo vệ người tiêu dùng cũng là những chủ đề được quan tâm.

Để tạo thuận lợi cho những thảo luận như vậy giữa các nhà hoạch định chính sách, các dữ liệu và thông tin đầy đủ về ngân hàng trung ương là cần thiết. Các thông tin này không chỉ liên quan đến các dữ liệu định lượng về bảng cân đối tài sản nói chung, các lĩnh vực liên quan đến tài trợ (trương tự) tài khóa, mà còn cả những dữ liệu định tính và định lượng về nhiệm vụ và mục tiêu, cách thức quản trị, công bố thông tin, minh bạch và trách nhiệm giải trình, và một loạt các vấn đề khác liên quan đến ngân hàng trung ương và bối cảnh mà chúng hoạt động.

Cơ sở dữ liệu pháp lý về ngân hàng trung ương của IMF (CBLD) – cơ sở dữ liệu đầy đủ nhất về khuôn khổ pháp

NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

THÔNG TIN ĐỀ TÀI TRONG NƯỚC

MÃ SỐ	TÊN ĐỀ TÀI	CHỦ NHIỆM
	. (Chi tiết)	

HỘI THẢO KHOA HỌC

ẤN PHẨM KHOA HỌC

HỘI THẢO QUỐC TẾ "BIG DATA VÀ ỨNG DỤNG TRONG NGÀNH TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG". (Chi tiết)	. (Chi tiết)
TỌA ĐÀM “XÂY DỰNG HỆ THỐNG THÔNG TIN NGOẠI HỐI VÀ CÁC CHỈ SỐ GIÁM SÁT THỊ TRƯỜNG NGOẠI HỐI VÀ THANH KHOẢN NGOẠI TỆ: KINH NGHIỆM VÀ KHUYẾN NGHỊ CỦA HÀN QUỐC”. (Chi tiết)	. (Chi tiết)
BAN KINH TẾ TRUNG ƯƠNG TỔ CHỨC DIỄN ĐÀN KINH TẾ VIỆT NAM 2017. (Chi tiết)	. (Chi tiết)

BẢN TIN NGHIÊN CỨU QUỐC TẾ**1. Quản lý dòng vốn và chi phí nợ (Capital Controls and the Cost of Debt)**

Nguồn: IMF

Tác giả: Eugenia Andreassen; Martin Schindler & Patricio A Valenzuela

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 09/06/2017

Sử dụng dữ liệu mảng đối với trái phiếu doanh nghiệp quốc tế và những quy định hạn chế tài khoản vốn ở các nền kinh tế phát triển và mới nổi, nhóm tác giả chỉ ra rằng những quy định này đối với dòng vốn vào khiến khoản chênh lệch lãi suất trái phiếu doanh nghiệp tăng lên đáng kể và có ý nghĩa về mặt kinh tế. Ngoài ra, sự không đồng nhất về số liệu cũng cho thấy hiệu quả của việc quản lý dòng vốn vào mạnh hơn đối với các doanh nghiệp bị hạn chế về mặt tài chính, tạo ra một kênh truyền dẫn mới của việc quản lý dòng vốn tác động đến các kết quả kinh tế. Ngược lại, nhóm tác giả không tìm thấy tác động ổn định và đáng kể của những quy định này đối với dòng vốn ra.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Đầu tư công và mức bền vững nợ: trường hợp đầu tư ngành năng lượng ở khu vực Caribe (Public Investment Scaling-up and Debt Sustainability: The Case of Energy Sector Investments in the Caribbean)

Nguồn: IMF

Tác giả: Ahmed El-Ashram

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 12/06/2017

Tác động của việc mở rộng đầu tư công đến vấn đề bền vững tài khóa và bền vững nợ là chủ đề rất được lưu tâm đối với các quốc gia đang cần lấp đầy khoảng trống về cơ sở hạ tầng và xây dựng khả năng phục hồi. Bài nghiên cứu này đề xuất một cách tiếp cận từ dưới lên để đánh giá các khoản đầu tư công lớn có khả năng tự huy động và phản ánh tác động của chúng trong các dự báo tài khóa-vĩ mô vốn là nền tảng của Khung Phân tích Bền vững nợ của IMF. Qua nghiên cứu trường hợp đầu tư vào lĩnh vực năng lượng ở các quốc gia Caribe, tác giả chỉ ra làm thế nào để tránh những thiên kiến đối với những dự án tốt, đem lại lợi ích trong dài hạn và đảm bảo các khoản đầu tư biến đổi (transformative investment) không bị đánh giá thiên cận về tác động của chúng đến rủi ro nợ bền vững. Cách tiếp cận này áp dụng cho bất kỳ khoản đầu tư tâm vĩ mô nào mà phí người sử dụng có thể bù đắp chi phí tài chính và có khả năng tạo ra tăng trưởng kinh tế mà không lấn át đầu tư tư nhân.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

3. Bảo hiểm tiền gửi, chuyển tiền và đô la hóa: Bằng chứng dựa trên khảo sát từ quốc gia có lượng kiều hối lớn nhất (Deposit Insurance, Remittances, and Dollarization: Survey-Based Evidence from a Top Remittance-Receiving Country)

Nguồn: IMF

Tác giả: David A. Grigorian & Maxym Kryshko

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 08/06/2017

Nghiên cứu này khảo sát các cá nhân nhận kiều hối từ Tajikistan để nghiên cứu tác động của việc nhận thức chính sách tới hành vi của người tiêu dùng. Kết quả cho thấy kiến thức về bảo hiểm tiền gửi đã khuyến khích việc sử dụng các kênh chuyển kiều hối chính thức và giảm tình trạng đô la hóa. Với quy mô và tầm quan trọng của kiều hối tại Tajikistan, việc cải thiện sự hiểu biết và công bố chi tiết mạng lưới an sinh xã hội có thể khuyến khích việc sử dụng thường xuyên hơn các kênh chuyển kiều hối chính thức và giảm sự phụ thuộc vào ngoại hối cho các mục đích giao dịch. Điều này có thể gia tăng lợi nhuận của ngân hàng, tăng cường ổn định tài chính và cải thiện khả năng tiếp cận tài chính.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

4. Mối liên kết ràng buộc: Xem xét lại “bộ ba bất khả thi” tại các nền kinh tế thị trường mới nổi (A Tie That Binds: Revisiting the Trilemma in Emerging Market Economies)

Nguồn: IMF

Tác giả: Jonathan David Ostry; Mahvash S Qureshi & Maurice Obstfeld

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 08/06/2017

Bài viết này kiểm chứng nhận định rằng chế độ tỷ giá có mối quan hệ với sự truyền dẫn các điều kiện tài chính toàn cầu tới điều kiện tài chính và vĩ mô trong nước thông qua mẫu gồm khoảng 40 nền kinh tế mới nổi trong giai đoạn 1986-2013. Những phát hiện cho thấy chế độ tỷ giá có ý nghĩa quan trọng. So với chế độ tỷ giá linh hoạt, các quốc gia có chế độ tỷ giá cố định có nhiều khả năng gặp tổn thương tài chính – tín dụng nội địa, giá nhà tăng nhanh hơn và tăng đòn bẩy ngân hàng. Việc truyền tải các cú sốc tài chính toàn cầu cũng bị phóng đại dưới chế độ tỷ giá cố định so với chế độ tỷ giá linh hoạt hơn (mặc dù không nhất thiết phải linh hoạt hoàn toàn). Nghiên cứu cho rằng chế độ tỷ giá cố định làm giảm tính tự chủ của chính sách tiền tệ và tăng sự nhạy cảm của dòng vốn với những thay đổi trong điều kiện toàn cầu.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

5. Quy tắc chính sách tiền tệ tại Trung Quốc: từ chính sách thích ứng với lạm phát đến chính sách chống lạm phát (China's evolving monetary policy rule: from inflation-accommodating to anti-inflation policy)

Nguồn: BIS

Tác giả: Eric Girardin; Sandrine Lunven & Guonan Ma

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 01/06/2017

"Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu sâu hơn về các quy tắc chính sách tiền tệ tại Trung Quốc từ giữa những năm 1990, trong đó tập trung vào vai trò của lạm phát. Chúng tôi đánh giá các quy tắc chính sách tiền tệ được thực thi bởi Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) bằng cách xem xét cả sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế của Trung Quốc cũng như quá trình phát triển của khuôn khổ chính sách tiền tệ tại quốc gia này.

Chỉ số chính sách tiền tệ tổng hợp hàng tháng (monthly composite discrete monetary policy index - MPI) của chúng tôi kết hợp các công cụ giá, lượng cũng như các công cụ hành chính, cho thấy NHTW Trung Quốc đã điều hành chính sách theo hướng thắt chặt hơn từ năm 2002. Ước lượng từ mô hình chọn lọc rời rạc động (dynamic discrete choice model) của Monokroussos (2011) cho thấy từ năm 2002, việc thực thi chính sách tiền tệ đã tại Trung Quốc đã có những đặc điểm của khuôn khổ lạm phát mục tiêu ngầm định (implicit inflation targeting). Mặc dù những động thái của NHTW Trung Quốc trước năm 2001 gợi nhớ đến chính sách tiền tệ thích ứng với lạm phát (inflation-accomodating) của Hoa Kỳ, khu vực đồng tiền chung Châu Âu Eurozone và Nhật Bản trong giai đoạn trước năm 1979, quy tắc chính sách tiền tệ tại Trung Quốc từ năm 2002 lại tương đồng với chính sách chống lạm phát của 3 quốc gia trên (nhóm G3) trong giai đoạn sau 1979. Để đánh giá chính xác chính sách tiền tệ của Trung Quốc từ năm 2002, cần xem xét Trung Quốc như một nền kinh tế mở, bởi quá trình tự do hóa thương mại và tài chính mạnh mẽ của quốc gia này sau khi gia nhập WTO. Do vậy, diễn biến lãi suất tại Hoa Kỳ đang có tác động ngày càng lớn tới chính sách tiền tệ tại Trung Quốc."

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

6. Tác động của cú sốc chính sách tiền tệ đến bất bình đẳng ở Nhật Bản (The effects of monetary policy shocks on inequality in Japan)

Nguồn: BIS

Tác giả: Masayuki Inui; Nao Sudo & Tomoaki Yamada

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 07/06/2017

Tác động của nới lỏng tiền tệ tới vấn đề bất bình đẳng đang thu hút sự chú ý của các học giả trên toàn cầu. Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng bộ dữ liệu vi mô về các hộ gia đình Nhật Bản để nghiên cứu tác động phân phối (distributional effect) của chính sách tiền tệ. Chúng tôi xây dựng các chuỗi dữ liệu theo quý nhằm phản ánh vấn đề bất bình đẳng trong thu nhập và tiêu dùng từ năm 1981 đến năm 2008, qua đó ước lượng phản ứng của hộ gia đình đối với cú sốc chính sách tiền tệ. Chúng tôi nhận thấy cú sốc chính sách tiền tệ không có tác động có ý nghĩa thống kê lên bất bình đẳng trong các hộ gia đình Nhật Bản. Khi xem xét vấn đề bất bình đẳng

giữa các hộ gia đình mà người chủ hộ có việc làm, chúng tôi tìm thấy bằng chứng cho thấy, trước những năm 2000, cú sốc nói lỏng chính sách tiền tệ đã làm gia tăng bất bình đẳng trong thu nhập. Tuy nhiên, các phản ứng mang tính thuận chu kỳ này (procyclical) hầu như không quan sát được khi dữ liệu hiện tại được đưa vào trong mẫu, hoặc khi xem xét bất bình đẳng về thu nhập giữa tất cả các hộ gia đình. Nghiên cứu cũng cho thấy việc truyền tải từ bất bình đẳng về thu nhập đến bất bình đẳng tiêu dùng là không đáng kể. Sử dụng mô hình cân bằng tổng thể động (dynamic general equilibrium model) với các đầu vào lao động, nghiên cứu đã chỉ ra rằng tính linh hoạt của thị trường lao động là trung tâm của vấn đề bất bình đẳng thu nhập sau những cú sốc chính sách tiền tệ. Chúng tôi cũng sử dụng dữ liệu cấp vi mô về bảng cân đối của các hộ gia đình và cho thấy phân phối tài sản và nợ tài chính của các hộ gia đình không đóng vai trò quan trọng đến tác động phân phối của chính sách tiền tệ.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

7. Chính sách an toàn vĩ mô và rủi ro ngân hàng (Macroprudential policy and bank risk)

Nguồn: BIS

Tác giả: Yener Altunbas; Mahir Binici & Leonardo Gambacorta

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 20/06/2017

Nghiên cứu này đánh giá tác động của các chính sách an toàn vĩ mô đến rủi ro ngân hàng thông qua dữ liệu hoạt động của các ngân hàng tại 61 quốc gia phát triển và mới nổi. Nghiên cứu của chúng tôi đưa ra 3 kết quả chính. Thứ nhất, có bằng chứng cho thấy các công cụ an toàn vĩ mô đã có tác động đáng kể đến rủi ro ngân hàng. Thứ hai, các ngân hàng có những phản ứng khác nhau đối với những thay đổi trong các công cụ thực thi chính sách vĩ mô, và điều này phụ thuộc vào những đặc điểm cụ thể trong bảng cân đối của từng ngân hàng. Đặc biệt, các ngân hàng nhỏ, vốn hóa thấp và tỷ trọng nguồn vốn bán buôn (wholesale funding) cao hơn sẽ phản ứng mạnh mẽ hơn với những thay đổi trong các công cụ an toàn vĩ mô. Thứ ba, nếu loại trừ yếu tố về đặc điểm riêng của ngân hàng, các chính sách an toàn vĩ mô sẽ hiệu quả hơn trong giai đoạn thắt chặt so với giai đoạn nói lỏng.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

8. Các thị trường mới nổi có nên lo lắng trước các thông báo về chính sách tiền tệ của Hoa Kỳ? (Should emerging markets worry about U.S. monetary policy announcements?)

Nguồn: WB

Tác giả: Gupta, Poonam; Masetti, Oliver; Rosenblatt, David

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu chính sách tài chính ngân hàng

Ngày xuất bản: 09/06/2019

Báo cáo phân tích tác động lan tỏa của các thông báo về chính sách tiền tệ lên các nền kinh tế

mới nổi kể từ cuối năm 2008, trùng với giai đoạn áp dụng các chính sách phi truyền thống. Các cú sốc chính sách tiền tệ được đo lường bởi những thay đổi trong lợi tức trái phiếu Kho bạc thời hạn 2 năm trong một khoảng thời gian ngắn xoay quanh thời điểm Cục Dự trữ Liên bang ra thông báo về chính sách tiền tệ. Phân tích cho thấy những cú sốc chính sách tiền tệ của Mỹ có ảnh hưởng đáng kể đến tỷ giá hối đoái, giá cổ phiếu và lợi tức trái phiếu của các nền kinh tế mới nổi. Tác động này trở nên lớn hơn khi có cú sốc thắt chặt chính sách, hơn là khi có cú sốc nới lỏng chính sách. Mức tác động lớn hơn một cách không tương xứng khi có những “cú sốc lớn”, ngụ ý rằng các thị trường mới nổi tương đối độc lập với những tuyên bố chính sách dự kiến. Tác động lan tỏa của việc công bố chính sách từ các nền kinh tế phát triển khác như khu vực đồng euro, Nhật Bản và Vương quốc Anh được thấy là yếu hơn nhiều so với tác động từ Mỹ.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

9. Các động lực dịch chuyển thanh khoản toàn cầu (The shifting drivers of global liquidity)

Nguồn: BIS

Tác giả: Stefan Avdjiev; Leonardo Gambacorta; Linda Goldberg & Stefano Schiaffi

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu hoạt động của các định chế tài chính

Ngày xuất bản: 15/06/2017

Giai đoạn hậu khủng hoảng đã chứng kiến sự dịch chuyển đáng kể về cấu trúc và các động lực dẫn tới sự dịch chuyển các luồng vốn tín dụng ngân hàng quốc tế (international bank lending) và phát hành trái phiếu quốc tế (international bond issuance) - hai thành phần chính của thanh khoản toàn cầu. Mức độ nhạy cảm của cả hai dòng vốn trên với chính sách tiền tệ tại Hoa Kỳ đã tăng lên đáng kể ngay sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, và đã lên tới đỉnh điểm vào khoảng thời gian thị trường kỳ vọng Fed sẽ ngừng chương trình nới lỏng định lượng vào năm 2013 (Fed taper tantrum), sau đó giảm nhẹ trở lại mức trước khủng hoảng. Ngược lại, phản ứng của luồng vốn tín dụng ngân hàng quốc tế đối với các điều kiện rủi ro toàn cầu đã giảm đáng kể sau khủng hoảng (tương tự như diễn biến của luồng vốn từ chứng khoán nợ quốc tế). Độ nhạy ngày càng tăng của luồng vốn ngân hàng quốc tế đối với chính sách tiền tệ của Hoa Kỳ chủ yếu là do những thay đổi sau khủng hoảng trong các hệ thống tín dụng ngân hàng quốc gia, đặc biệt là tại những quốc gia có nhiều ngân hàng với mức độ vốn hóa thấp. Ngược lại, độ nhạy của luồng vốn tín dụng ngân hàng quốc tế đối với rủi ro toàn cầu giảm trong giai đoạn sau khủng hoảng chủ yếu là do hiệu ứng hợp phần (compositional effect), do sự gia tăng thị phần cho vay của các hệ thống ngân hàng quốc gia có vốn hóa cao hơn. Sự đảo chiều sau năm 2013 về độ nhạy đối với chính sách tiền tệ của Hoa Kỳ phản ánh kỳ vọng của thị trường về sự khác biệt trong chính sách tiền tệ của Hoa Kỳ với các nền kinh tế phát triển khác. Hơn nữa, biến động thanh khoản toàn cầu chủ yếu là do chính sách tại các quốc gia đóng vai trò chủ nợ. Các chính sách và các công cụ an toàn vĩ mô đã cải thiện mức độ vốn hóa tại các ngân hàng cấp vốn vay và việc lượng vốn ổn định đã làm giảm mức độ biến động của các dòng tín dụng quốc tế.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

10. Gián đoạn tài chính và cải thiện chu kỳ lao động (Financial Disruptions and the Cyclical Upgrading of Labor)

Nguồn: IMF

Tác giả: Alan Finkelstein Shapiro; Andrés González Gómez & Brendan Epstein

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế

Ngày xuất bản: 08/06/2017

Giữa các cú sốc năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP), dòng chuyển đổi việc làm đã làm tăng thêm sự biến động của tình trạng thất nghiệp, nhưng tác động tổng hợp của dòng chuyển đổi việc làm giữa các cú sốc tài chính thì khó nhận biết hơn. Để có thể hiểu những tác động này, nghiên cứu đã mô hình hóa một khuôn khổ tìm kiếm lao động cân bằng tổng thể trong đó có tích hợp các tìm kiếm việc làm (OTJ) và tính đến các tác động chênh lệch của các cú sốc TFP và tài chính. Kết quả cho thấy, tương tác giữa tìm kiếm OTJ với các cú sốc tài chính khác rất nhiều so với tương tác của chúng với các cú sốc TFP, do vậy, theo những hiệu chỉnh tiêu chuẩn, mô hình của nghiên cứu đã tạo ra sự biến động tổng thể phù hợp với tính chất của các dữ liệu vĩ mô chính của Mỹ trong một vài thập kỷ và trong cuộc Khủng hoảng tài chính toàn cầu. Điều quan trọng là, từ dữ liệu, mô hình đã cho thấy sự biến động khá lớn của tiêu dùng, thu nhập lao động, và thất nghiệp. Do vậy, nghiên cứu này góp phần giải quyết 2 hạn chế của lý thuyết tìm kiếm lao động cân bằng tổng thể hiện tại: với những hiệu chỉnh tiêu chuẩn, các mô hình không tích hợp tìm kiếm OTJ cho thấy thất nghiệp biến động ở mức thấp không hợp lý trong khi mô hình có tích hợp tìm kiếm OTJ cho kết quả biến động gần với dữ liệu thực hơn nhưng đổi lại là mức biến động tiêu dùng và biến động thu nhập – lao động ở mức thấp đáng ngờ.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

11. Tác động của quản lý địa phương lên hiệu suất của công ty và phân bổ nguồn lực: bằng chứng thực nghiệm từ Việt Nam (The effect of local governance on firm productivity and resource allocation: evidence from Vietnam)

Nguồn: WB

Tác giả: Tan; Shawn Weiming; Tran & Trang Thu

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế

Ngày xuất bản: 27/06/2017

Chất lượng quản trị có vai trò then chốt trong việc phát triển khu vực tư nhân: các quan chức có thẩm quyền không chỉ đề ra những chính sách và quy định hợp lý, mà còn thực thi hiệu quả chính sách để xây dựng môi trường kinh doanh cho các doanh nghiệp. Bài viết này nghiên cứu về sự phân cấp của Việt Nam trong các nhiệm vụ quản lý hành chính từ đầu những năm 2000 để kiểm chứng giả thuyết này. Bài viết xem xét những thay đổi trong chính sách quản lý doanh nghiệp của quốc gia có ảnh hưởng như thế nào đến các doanh nghiệp qua hai kênh: năng suất

hoạt động của doanh nghiệp và phân bổ nguồn lực giữa các doanh nghiệp. Kết quả cho thấy môi trường kinh doanh tổng thể tốt hơn có tác động tích cực đến hiệu suất hoạt động của doanh nghiệp, và tác động này có được nhờ giảm mức độ tham nhũng, rủi ro từ việc chiếm đoạt đất và các quy định về gia nhập thị trường. Nghiên cứu cũng cho thấy các doanh nghiệp có hiệu suất hoạt động cao hơn nói chung có khả năng tận dụng tốt hơn những cơ hội đến từ việc cải thiện môi trường kinh doanh. Tuy nhiên, việc thực hiện tốt hơn các quy định về gia nhập thị trường là vấn đề lớn nhất đối với các doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả hơn. Nghiên cứu không tìm thấy bằng chứng về ảnh hưởng của chất lượng môi trường kinh doanh lên tính hiệu quả của các thị trường ở cấp địa phương.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

12. Toàn cầu hóa tài chính và biến động thị trường: một nghiên cứu đánh giá thực nghiệm (Financial globalization and market volatility: an empirical appraisal)

Nguồn: WB

Tác giả: Cordella, Tito & Ospino Rojas, Anderson

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế

Ngày xuất bản: 07/06/2017

Nghiên cứu này tính toán một chỉ số toàn cầu hóa tài chính mới cho một mẫu lớn gồm các quốc gia trong giai đoạn 1992 – 2016. Không giống như các biện pháp khác, chỉ số toàn cầu hóa tài chính khắc phục hiện tượng phương sai thay đổi của biến động toàn cầu. Điều này dẫn đến việc điều chỉnh giảm bớt các xu hướng toàn cầu hóa tài chính của các thị trường mới nổi, phát triển và các thị trường cận biên (frontier markets). Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng toàn cầu hóa tài chính làm giảm biến động của thị trường (được đo lường bởi sự biến động của cổ tức chứng khoán) tại các khoảng thời gian “yên ả” và làm tăng biến động thị trường trong những giai đoạn hỗn loạn. Tính trung bình, hiệu ứng đầu tiên chiếm ưu thế, do đó toàn cầu hóa tài chính dẫn đến việc làm giảm biến động của thị trường, điều này được thấy rõ hơn ở các thị trường cận biên.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

13. Các tác động truyền dẫn từ các thị trường mới nổi quan trọng đến mức nào? (How important are spillovers from major emerging markets?)

Nguồn: WB

Tác giả: Huidrom, Raju; Kose, Ayhan & Ohnsorge, Franziska Lieselotte

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế

Ngày xuất bản: 07/06/2017

7 nền kinh tế thị trường mới nổi lớn nhất – Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil, Nga, Mexico, Indonesia và Thổ Nhĩ Kỳ - chiếm hơn ¼ sản lượng toàn cầu và hơn một nửa tăng trưởng sản lượng toàn cầu trong giai đoạn 2010-2015. Những thị trường mới nổi này, được gọi là EM7,

cũng có mối liên hệ chặt chẽ với các quốc gia khác, đặc biệt là các thị trường mới nổi và thị trường cận biên. Do quy mô và mức độ hội nhập của nhóm quốc gia này, tốc độ tăng trưởng của EM7 có thể có tác động lan truyền xuyên biên giới đáng kể. Các tác giả cung cấp các ước tính thực nghiệm về hiệu ứng lan truyền này, sử dụng mô hình tự hồi quy véc tơ Bayes. Các tác giả đã báo cáo ba kết quả chính. Đầu tiên, hiệu ứng lan truyền từ các quốc gia EM7 là đáng kể: mỗi một điểm phần trăm tăng lên trong tăng trưởng của nhóm EM7 có liên quan tới 0.9 điểm phần trăm tăng lên của tăng trưởng tại các thị trường mới nổi và cận biên khác và 0.6 điểm phần trăm tăng lên trong tăng trưởng kinh tế thế giới vào thời điểm cuối của khoảng thời gian ba năm. Thứ hai, mặc dù có ảnh hưởng lan truyền lớn, tác động lan truyền từ các quốc gia EM7 vẫn nhỏ hơn tác động từ các quốc gia G7 (nhóm 7 nền kinh tế tiên tiến). Cụ thể, tăng trưởng ở các thị trường mới nổi và cận biên khác, và của nền kinh tế toàn cầu sẽ tăng thêm từ một nửa tới ba lần do sự gia tăng mạnh tương tự trong tăng trưởng của các quốc gia G7. Thứ ba, trong số các EM7, các tác động lan truyền từ Trung Quốc là lớn nhất và lan rộng trên phạm vi toàn cầu.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

14. Cấu phần tín dụng, cầu phần sản lượng đầu ra và cân bằng đối ngoại (Credit composition, output composition, and external balances)

Nguồn: WB

Tác giả: Islam; Roumeen

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế

Ngày xuất bản: 01/06/2017

Bài viết này dựa trên nghiên cứu gần đây khảo sát tác động của tài chính đến các kết quả kinh tế. Đặc biệt, câu hỏi liệu việc mở rộng tín dụng cho các hộ gia đình và doanh nghiệp có một tác động nào đó lên tỷ trọng của xuất khẩu trong tổng sản phẩm quốc nội và có tác động lên cán cân thương mại hay không. Phân tích cho thấy rằng mặc dù tín dụng hộ gia đình không có mối tương quan thuận với tỷ trọng xuất khẩu hay cán cân thương mại, tín dụng doanh nghiệp lại có mối tương quan đáng kể với cả hai biến trên. Mối quan hệ với tỷ trọng xuất khẩu là đặc biệt mạnh và vững chắc. Tỷ trọng tín dụng cho doanh nghiệp cao hơn có nghĩa là tỷ trọng xuất khẩu cao hơn trên tổng sản phẩm quốc nội và cán cân thương mại mạnh hơn (bất kỳ tác động nào của tín dụng lên nhập khẩu đều bị xếp gộp vào bởi tác động lớn hơn lên xuất khẩu). Tín dụng hộ gia đình có mối quan hệ nghịch và không đáng kể với cán cân thương mại và tỷ trọng xuất khẩu trên tổng sản phẩm quốc nội. Tín dụng có thể cũng tác động đến sự lựa chọn giữa các dạng hàng hóa được sản xuất trong nước, cho dù chúng được sản xuất để xuất khẩu hoặc với mục đích tiêu thụ trong nước. Nghiên cứu cho thấy tín dụng hộ gia đình có mối quan hệ nghịch biến với tỷ trọng sản xuất trong tổng sản phẩm quốc nội. Tín dụng doanh nghiệp có mối tương quan thuận chiều với tỷ trọng của sản xuất trong tổng sản phẩm quốc nội, trong khi tỷ trọng của dịch vụ dường như không bị ảnh hưởng bởi cả hai.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

15. Quản lý trái phiếu Châu Á – tháng 6 năm 2017 (Asia Bond Monitor - June 2017)

Nguồn: ADB

Tác giả: N/A

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế

Ngày xuất bản: 01/06/2017

Triển vọng kinh tế toàn cầu tiếp tục được cải thiện đã giúp giảm lợi tức trái phiếu ở hầu hết các thị trường mới nổi Đông Á trong bối cảnh tâm lý nhà đầu tư tích cực. Từ 1 tháng 3 đến ngày 15 tháng 5, lợi tức trái phiếu chính phủ hai năm và mười năm đã giảm đi tại hầu hết các thị trường mới nổi Đông Á. Trong tất cả các thị trường trái phiếu ở các nền kinh tế mới nổi Đông Á, Indonesia có mức giảm lợi tức lớn nhất trong giai đoạn nghiên cứu, do tâm lý nhà đầu tư tích cực và do được nâng mức xếp hạng tín dụng dự kiến từ tổ chức xếp hạng tín dụng toàn cầu Standard and Poor's (S&P). Ổn định tài chính đã được cải thiện, bằng chứng là sự sụt giảm trong chênh lệch tín dụng (chênh lệch lợi tức giữa hai trái phiếu có cùng thời gian đáo hạn nhưng có chất lượng tín dụng khác nhau – credit spreads) tại các nền kinh tế mới nổi Đông Á. Các dòng vốn nước ngoài tại các quốc gia Đông Á mới nổi cũng đã được phục hồi. Mặc dù ổn định tài chính đã được cải thiện và rủi ro đã giảm đi tại các thị trường trái phiếu Đông Á mới nổi, vẫn còn tồn tại một số rủi ro, bao gồm việc thắt chặt các điều kiện thanh khoản trên toàn cầu và sự dễ bị tổn thương của thị trường tài chính trước cuộc tấn công an ninh mạng. Vấn đề của Quản trị trái phiếu Châu Á bao gồm hai hộp thảo luận đặc biệt. Hộp 1 thảo luận về những rủi ro cho ổn định tài chính của các nước Châu Á mới nổi trong bối cảnh thắt chặt các điều kiện thanh khoản trên toàn cầu. Hộp 2 thảo luận về vấn đề an ninh mạng và ổn định tài chính.

[Tải về toàn văn tại đây](#)

[Trở lại trang đầu](#)

16. Sáng kiến Thị trường Trái phiếu Châu Á: thành tựu và thách thức của các nhà hoạch định chính sách (The Asian Bond Markets Initiative: Policy maker achievements and challenges)

Nguồn: ADB

Tác giả: N/A

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế

Ngày xuất bản: 01/06/2017

Bài viết mô tả các thành tựu đạt được trong Sáng kiến Thị trường Trái phiếu Châu Á và định hướng của ASEAN + 3 trong trung hạn. Sáng kiến Thị trường Trái phiếu Châu Á (ABMI) được ban hành vào tháng 12 năm 2002 bởi Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa, Nhật Bản, và Hàn Quốc – vốn được biết đến là ASEAN + 3 nhằm tăng cường ổn định tài chính và giảm bất ổn khu vực trước sự đảo chiều đột ngột của dòng vốn. Nghiên cứu này cũng đưa ra các khuyến nghị để giải quyết các nguyên nhân gây bất ổn thị trường và những thách thức khác trong và ngoài khuôn khổ Sáng kiến Thị trường Trái phiếu Châu Á.

[Tải về toàn văn tại đây](#)[Trở lại trang đầu](#)

17. Công cuộc chuyển đổi hướng tới một nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có thu nhập cao: những thách thức và khuyến nghị (Transforming Towards a High-Income People's Republic of China: Challenges and Recommendations)

Nguồn: ADB

Tác giả: N/A

Chủ đề nghiên cứu: Nghiên cứu kinh tế

Ngày xuất bản: 01/06/2017

Tăng trưởng nhanh đã dẫn đến những cải tiến cũng như những thách thức cho Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa. Báo cáo này tóm tắt các phát hiện nghiên cứu và khuyến nghị chính sách cho Kế hoạch 5 năm lần thứ 13 của chính phủ. Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (PRC) đã có tăng trưởng kinh tế đáng chú ý trong ba thập niên qua. Tổng sản phẩm quốc nội đã tăng trung bình 10% một năm. Thu nhập bình quân đầu người đã tăng 13 lần. Tuổi thọ bình quân tăng từ 67 lên 73 tuổi. Tuy nhiên, tăng trưởng nhanh chóng đã đặt ra 8 thách thức đối với Trung Quốc: chuyển đổi công nghiệp hóa, phát triển cân đối giữa khu vực nông thôn và đô thị, chuyển đổi nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường, giảm biến đổi khí hậu, bảo vệ nguồn nước, quản lý nợ địa phương và hội nhập sâu hơn vào hệ thống kinh tế toàn cầu. Trong năm 2013, tổ chức ADB đã được mời cung cấp các yếu tố đầu vào hỗ trợ cho sự chuẩn bị cho Kế hoạch 5 năm lần thứ 13 (giai đoạn 2016 – 2020). Báo cáo tóm tắt các vấn đề chính và khuyến nghị các lựa chọn chính sách thực tế để giải quyết các thách thức đặt ra của Trung Quốc.

[Tải về toàn văn tại đây](#)[Trở lại trang đầu](#)

NGHIÊN CỨU CHUYÊN SÂU**Khuôn khổ pháp lý cho Ngân hàng Trung ương
sau cuộc Khủng hoảng Tài chính toàn cầu***Ashraf Khan**IMF***I. Giới thiệu:**

Hoạt động ngân hàng trung ương đang liên tục thay đổi, và thậm chí còn thay đổi nhiều hơn sau Khủng hoảng Tài chính Toàn cầu. Những diễn biến đáng lưu ý bao gồm, chẳng hạn như, việc sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ phi truyền thống tại nhiều nền kinh tế tiên tiến, đã phần nào dẫn tới tình trạng mở rộng và đa dạng hóa bảng cân đối của nhiều ngân hàng trung ương. Hơn nữa, nhiệm vụ cũng như chức năng của các ngân hàng trung ương vẫn tiếp tục là những chủ đề được đặt ra trong các cuộc thảo luận. Các chức năng “mới” như chính sách an toàn vĩ mô và xử lý các ngân hàng yếu kém (resolution) vẫn là những nội dung hàng đầu. Các thảo luận về vai trò của ngân hàng trung ương trong việc duy trì tính toàn vẹn tài chính và góp phần bảo vệ người tiêu dùng cũng là những chủ đề được quan tâm.

Để tạo thuận lợi cho những thảo luận như vậy giữa các nhà hoạch định chính sách, các dữ liệu và thông tin đầy đủ về ngân hàng trung ương là cần thiết. Các thông tin này không chỉ liên quan đến các dữ liệu định lượng về bảng cân đối tài sản nói chung, các lĩnh vực liên quan đến tài trợ (tương tự) tài khóa, mà còn cả những dữ liệu định tính và định lượng về nhiệm vụ và mục tiêu, cách thức quản trị, công bố thông tin, minh bạch và trách nhiệm giải trình, và một loạt các vấn đề khác liên quan đến ngân hàng trung ương và bối cảnh hoạt động.

Cơ sở dữ liệu pháp lý về ngân hàng trung ương của IMF (CBLD) – cơ sở dữ liệu đầy đủ nhất về khuôn khổ pháp lý ngân hàng trung ương trên thế giới – đã đáp ứng một phần nhu cầu này.

II. Cơ sở dữ liệu pháp lý về ngân hàng trung ương

CBLD hiện tại lưu trữ thông tin về các bộ luật và trích dẫn từ 142 quốc gia thành viên IMF và các liên minh tiền tệ, chia thành 100 nhóm. Nó cũng lưu trữ các bộ luật lịch sử từ những lần cập nhật trước đó của 132 quốc gia và liên minh tiền tệ. Tất cả các văn bản pháp lý được thu thập bằng tiếng Anh. Nếu không có phiên bản tiếng Anh, bản dịch sẽ được thu thập từ phía cơ quan có thẩm quyền hoặc được IMF cung cấp phi chính thức. Trong số các quốc gia thành viên của IMF, 116 quốc gia đã cung cấp văn bản cập nhật năm 2016, 28 quốc gia khác thông báo không có sự sửa đổi so với phiên bản năm 2012.

Bảng 1 dưới đây tóm tắt quá trình phát triển của CBLD. Mục tiêu chính của cơ sở dữ liệu này là nhằm nâng cao hợp tác kỹ thuật và chia sẻ kiến thức giữa IMF và các ngân hàng trung ương của quốc gia thành viên. CBLD cũng hình thành một thư viện pháp luật với các văn bản luật đầy đủ của hầu hết các ngân hàng trung ương, và dẫn chiếu tới các Bài nghiên cứu liên quan của IMF.

Cơ sở dữ liệu này được quản lý bởi Vụ tiền tệ và thị trường vốn của IMF, và được cập nhật vào năm 2016. Đối tượng sử dụng trước nay đều là trong nội bộ IMF và World Bank, cũng như các ngân hàng trung ương và các cơ quan liên minh tiền tệ. Tại thời điểm này, CBLD chỉ cho phép tiếp cận đối với các nhân viên của ngân hàng trung ương, các liên minh tiền tệ, và các tổ chức tài chính quốc tế. Bản cập nhật năm 2016 được xây dựng trên cơ sở dữ liệu thu thập từ các ngân hàng trung ương và liên minh tiền tệ trong giai đoạn 2014/2015, và là kết quả gần 1 năm làm việc của nhóm công tác IMF tiếp cận tới tất cả các ngân hàng trung ương, liên minh tiền tệ, thiết kế và mã hóa các văn bản pháp lý theo các danh mục của CBLD, và sau đó tiến hành kiểm tra để loại bỏ các lỗi và sai sót.

Bảng 1. Cơ sở dữ liệu luật ngân hàng trung ương của IMF – Tổng quan lịch sử

Năm thu thập dữ liệu	Ngày nhận Dữ liệu	Năm cập nhật	Bình luận
1997	n/a	n/a	CBLD đầu tiên được thiết lập với hình thức giới hạn, phục vụ nhu cầu nội bộ
2004	n/a	n/a	CBLD bắt đầu mở rộng
2006	n/a	2008	Kiểm tra, đại tu toàn bộ (cập nhật mã hóa/xây dựng các nhóm phân loại)
2008	Tháng 12/2008	2010	Cập nhật
2010	Tháng 12/2010	2012	Cập nhật
2014	Tháng 12/2014	2016	Cập nhật

Nguồn: IMF

Các nhóm phân loại của CBLD giúp cho việc tìm kiếm được dễ dàng. CBLD có 12 nhóm phân loại chính, mỗi nhóm được chia thành các tiểu mục. Trong quá trình “dán nhãn” những thay đổi của mỗi bộ luật ngân hàng trung ương (và trích dẫn hiến pháp liên quan) mà các nhân viên của IMF nhận được, mỗi một điều khoản/chương mục của bộ luật được xếp vào ít nhất một tiểu mục của CBLD. Lợi ích cho người sử dụng là họ không cần phải đọc toàn bộ luật để tìm ra những thông tin về hoạt động ngân hàng trung ương liên quan đến một vấn đề, chẳng hạn như, vốn. Quá trình dán nhãn đảm bảo rằng tất cả các điều khoản liên quan đến vốn, trong ví dụ này, ở trong bộ luật sẽ được làm nổi bật lên cho người sử dụng, bất kể chúng nằm ở đâu trong bộ luật.

Các nhóm phân loại phủ rộng khắp các lĩnh vực của hoạt động ngân hàng trung ương. 12 nhóm chính là: (1) thông tin nền tảng (lời nói đầu và định nghĩa), (2) sự thành lập, mục tiêu,

chức năng và quyền lực (danh sách các mục tiêu, các vấn đề về quyền tự chủ/độc lập, các hoạt động bị cấm đối với ngân hàng trung ương), (3) tổ chức và quản trị (tất cả các lĩnh vực liên quan đến thống đốc, quản trị chính sách, các nhân viên và đội ngũ nhân sự nói chung cũng như cơ cấu của ngân hàng trung ương), (4) các khoản dự phòng tài chính (vốn, ngân quỹ, và phân bổ lợi nhuận), (5) đơn vị tiền tệ, giấy bạc, và đồng xu (định nghĩa về tiền pháp định, tên của tiền tệ), (6) chính sách tiền tệ và hoạt động (chính sách tiền tệ được quyết định như thế nào, hoạt động thị trường mở, và dự trữ bắt buộc), (7) chính sách và hoạt động ngoại hối, dự trữ quốc tế, (8) mối quan hệ giữa ngân hàng trung ương và chính phủ (các hoạt động (tương tự) tài khóa), (9) mối quan hệ giữa ngân hàng trung ương và các tổ chức tài chính (giám sát an toàn vi mô và vĩ mô, thực hiện vai trò người cho vay cuối cùng, các giải pháp xử lý, phòng chống rửa tiền), (10) hệ thống thanh toán và hệ thống quyết toán chứng khoán, (11) kế toán, báo cáo tài chính, kiểm toán, và các ấn phẩm khác, và (12) các yếu tố khác (thu thập thông kê, miễn thuế).

CBLD cũng cho phép các yêu cầu tìm kiếm tập trung vào một nhóm các nước cụ thể. Nhóm được tạo trước là những nhóm thuộc một liên minh tiền tệ hiện tại và những nhóm dựa theo khu vực địa lý, cơ chế tỷ giá (neo truyền thống, neo trườn bò, rổ tiền tệ, thả nổi hoàn toàn, thả nổi, neo tỷ giá có biên độ...), và các mức thu nhập (thấp, trung bình thấp, trung bình cao, thu nhập cao, và không phân loại được).

Bài viết này được cấu trúc bao gồm: phần II miêu tả những diễn biến trong khuôn khổ pháp lý của một vài quốc gia. Phần III cung cấp thông tin về các dữ liệu ví dụ khác giữa các quốc gia, gồm: các chủ đề ngân hàng ương nói chung ở nhiều nước: độc lập và tự chủ; định nghĩa ổn định tài chính; ổn định giá với ý nghĩa là mục tiêu của ngân hàng trung ương; và quy trình quyết định chính sách tiền tệ trong một ngân hàng trung ương. Phần IV tóm lược các ý chính của bài viết.

III. Nghiên cứu tại một số quốc gia chọn lọc

Các phần dưới đây sẽ xem xét những thay đổi trong khuôn khổ pháp lý của 15 quốc gia chọn lọc. Những thay đổi sẽ được làm rõ thông qua so sánh các bộ luật mà các nước đã đệ trình vào năm 2012 và vào năm 2016. Các quốc gia được lựa chọn không nhất thiết là các quốc gia có sự thay đổi chính sách mà tạo nên một tập hợp mẫu thú vị. Các quốc gia trong mẫu được chọn từ các nước có trình cả 2 phiên bản cập nhật năm 2012 và năm 2016. Thêm vào đó, các quốc gia này được chọn từ những khu vực khác nhau, quy mô quốc gia khác nhau, và các liên minh tiền tệ khác nhau. Mẫu được chọn cũng bao gồm các nước có vẻ như thay đổi rất ít trong luật pháp ngân hàng trung ương, nhằm thể hiện được các mức độ điều chỉnh pháp lý gần đây (người đọc, chẳng hạn, có thể suy ra rằng một số quốc gia đã cập nhật pháp lý không lâu trước khi Khủng hoảng tài chính toàn cầu nổ ra nên cũng không cần phải điều chỉnh quá lớn sau cuộc khủng hoảng). Bài viết do đó sẽ làm nổi bật những thay đổi thực tế trong khuôn khổ pháp lý ngân hàng trung ương mà không đưa ra các kết luận chính sách, nhưng sẽ là điểm khởi đầu cho các nghiên cứu và phân tích sâu hơn.

Trong khi phần lớn các quốc gia đều báo cáo cho biết có những thay đổi gần đây trong khuôn khổ pháp lý ngân hàng trung ương của mình, thì cũng có một phần nhỏ cho biết không có bất cứ

sự thay đổi nào. Trong số 142 quốc gia và liên minh tiền tệ có khuôn khổ pháp lý ngân hàng trung ương được cập nhật trong CBLD, 114 quốc gia cho thấy một số hình thức thay đổi; 28 quốc gia không có thay đổi gì về luật ngân hàng trung ương và/hoặc các bộ phận liên quan trong hiến pháp quốc gia (so với bản cập nhật năm 2012). Một vài trong số các quốc gia này thực sự đang trong quá trình điều chỉnh luật pháp, hoặc đang chờ sự chấp thuận của cơ quan lập pháp – CBLD chỉ ghi nhận những bản sửa đổi chính thức và cuối cùng. Đáng lưu ý là với tất cả các luật, tình trạng trên văn bản có thể khác với tình trạng trong thực tế - phần lớn là do các vấn đề liên quan đến hệ thống pháp luật và tư pháp, và các quy định của luật nói chung. Những khác biệt đó không nằm trong phạm vi mà CBLD và bài viết này có thể bao quát.

Luật ngân hàng trung ương của các quốc gia được xem xét đã trải qua những thay đổi đáng kể trong 4 lĩnh vực: (1) mục tiêu; (2) cách thức ra quyết định; (3) trách nhiệm; và (4) thu thập dữ liệu. Các quốc gia được chọn cho thấy kể từ khi các ngân hàng trung ương đệ trình các văn bản luật của mình cho IMF trong kỳ cập nhật trước (2012), đã có nhiều thay đổi lớn, với những tác động chính sách và hoạt động lớn lên ngân hàng trung ương, trong khuôn khổ pháp lý của mình. Chẳng hạn, luật ngân hàng trung ương của Israel đã có những điều chỉnh toàn bộ, với những thay đổi lớn liên quan đến nhiệm vụ, quyền tự chủ, và hoạt động. Ngược lại, Hàn Quốc chỉ có thay đổi nhỏ trong khuôn khổ pháp lý ngân hàng trung ương gần đây, có lẽ là do những thay đổi đã được thực hiện trước đó từ năm 2008.

Cụ thể, những thay đổi trong 4 lĩnh vực này như sau:

(1) **Mục tiêu ngân hàng trung ương đã bao gồm ổn định tài chính và giám sát tài chính. Giám sát tài chính đôi khi được tích hợp với ngân hàng trung ương và đôi khi là nhiệm vụ của một hoặc một số tổ chức độc lập khác.** Trong số 15 quốc gia được lựa chọn thảo luận dưới đây, Nga, Mê hi cô, Georgia, Singapore, và Israel, hoặc đưa chức năng giám sát tài chính cho ngân hàng trung ương hoặc tăng cường chức năng giám sát hiện tại đã có. Trong nhiều trường hợp, mối quan hệ với ổn định tài chính được thể hiện trong luật, chẳng hạn như ở Chi Lê (xem Phần III.B về sự phức tạp trong định nghĩa “ổn định tài chính”) và/hoặc các thỏa thuận tổ chức nội bộ giữa ngân hàng trung ương và các tổ chức khác được tăng cường (chẳng hạn như, thành lập Ủy ban ổn định tài chính, như trong trường hợp của Mauritius và Chi lê, hoặc nâng cấp hơn nữa quyền lực của Ủy ban, như trường hợp của Malaysia).

(2) **Quá trình ra quyết định được tập trung mạnh hơn, thông qua các cơ chế liên quan đến tiêu chuẩn lựa chọn thành viên hội đồng ngân hàng trung ương, quy trình bổ nhiệm, và những thay đổi trong quy mô Hội đồng.** Pháp, Pakistan, Nga, Singapore, và Liberia gia tăng quy mô của Hội đồng ngân hàng trung ương từ 10 – 50%. Các tiêu chuẩn phù hợp và hoàn hảo (Macedonia, Pakistan, Thổ Nhĩ Kỳ) được thực hiện theo các cách khác nhau ở các nước – chẳng hạn như Macedonia tập trung rất chi tiết vào năng lực tiếng Anh. Những yêu cầu cụ thể cho vị trí Chủ tịch hội đồng được đưa ra (để tránh xung đột lợi ích (Nga)) – đôi khi mở rộng ra cho tất cả các thành viên Hội đồng và đội ngũ nhân viên (Georgia, Mauritius). Trong trường hợp của Israel, toàn bộ cấu trúc thượng đỉnh được thay đổi, tăng cường quyền tự chủ bằng cách giảm ảnh hưởng của chính phủ trong khi áp dụng giám sát nội bộ.

(3) **Cơ chế trách nhiệm được tăng cường.** Một vài trong số những biện pháp này liên quan đến mở rộng số lượng thành viên Hội đồng (người có thể đại diện cho các bên liên quan như đội ngũ nhân viên của chính ngân hàng trung ương – như ở Pháp), tăng cường quy tắc kế toán (Nga, Maritius), và gia tăng công bố thông tin nói chung (Canada, Me hi cô, Pakistan, Israel, Mauritius). Trong trường hợp Maritius, cơ chế góp ý của ngân hàng thương mại đối với ngân hàng trung ương được thiết lập. Tại Malaysia, Tổng Thư ký Bộ tài chính được phép tham gia vào các buổi họp ổn định tài chính liên quan đến các tổ chức.

(4) **Ngân hàng trung ương được giao nhiệm vụ thu thập các dữ liệu và thông tin nhiều hơn và cụ thể hơn.** Điều này liên quan đến việc mở rộng mục tiêu và/hoặc chức năng, chẳng hạn như Nga (dữ liệu đầu tư trực tiếp), Pháp, Georgia, Mê hi cô, Singapore, và Mauritius (dữ liệu ổn định tài chính/giám sát tài chính, và hợp tác liên tổ chức).

Các phần dưới đây cung cấp cái nhìn chi tiết hơn về từng luật ngân hàng trung ương của 15 quốc gia được lựa chọn. Lưu ý là không phải tất cả các thay đổi trong luật ngân hàng trung ương được đề cập tới ở đây, chỉ một số thay đổi đáng chú ý hoặc thay đổi lớn được nhắc tới.

A. Canada¹

Những thay đổi trong Luật Ngân hàng trung ương Canada tương đối ít. So với phiên bản cung cấp cho CBLD 2012 thì những phiên bản cung cấp cho CBLD mới nhất chỉ có vài thay đổi nhỏ.

Một số sửa đổi liên quan đến sự linh hoạt hành chính đối với ngân hàng trung ương Canada. Ví dụ, Điều XV (Returns) dường như tạo sự linh hoạt hơn cho ngân hàng trung ương trong việc công bố thông tin tài chính hàng tuần (mục 1), chuyển từ chế độ thông tin hàng tuần sang “thời điểm sớm nhất sau ngày làm việc cuối cùng của tuần.” Đối với bảng cân đối hàng tháng, Điều XV (mục 2) đã được thay đổi bằng cách công bố bảng cân đối lên website ngân hàng trung ương thay vì chuyển cho Bộ trưởng như trước đây.

B. Chile²

Hội đồng Ổn định Tài chính (CFS) và những điều khoản về chia sẻ thông tin giữa Ngân hàng trung ương Chile với các cơ quan quản lý tài chính đã được thiết lập. Luật số 20.789 năm 2014 đã mô tả CFS như là “một cơ quan tư vấn cho Bộ trưởng Tài chính”. Mục tiêu của nó là để “tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sự phối hợp và chia sẻ thông tin giữa các bên tham gia trong những vấn đề liên quan đến phòng ngừa và quản lý các trường hợp có thể xảy ra rủi ro đến hệ thống tài chính nhằm đảm bảo sự toàn vẹn và ổn định tài chính của nền kinh tế” (Điều 1). CFS bao gồm Bộ trưởng Tài chính (chủ tịch), và 3 cơ quan giám sát tài chính liên quan, bao gồm Cơ quan giám sát ngân hàng và định chế tài chính Chile (Superintendent of Banks and Financial Institutions).

¹ Luật Ngân hàng trung ương Canada: phiên bản 2008 so với phiên bản 2014.

² Luật Hiến pháp cơ bản của Ngân hàng Trung ương Chile (Basic Constitutional Act) phiên bản 2010 so với phiên bản 2014.

Luật cũng qui định rằng CFS “phải dựa vào những đơn vị cố vấn thường xuyên của Ngân hàng trung ương”. Vì mục tiêu này nên Chủ tịch của Ngân hàng trung ương được phép tham dự vào tất cả các cuộc họp của Hội đồng với quyền được nghe và thông báo “tất cả các vấn đề và tài liệu đang được xem xét tại Hội đồng”. Ngân hàng trung ương có thể thực hiện các phân tích hoặc nghiên cứu cần thiết để giám sát sự ổn định của hệ thống tài chính theo yêu cầu của CFS. Ngoài ra, bất kỳ khuyến nghị về chính sách hoặc pháp lý nào được ban hành bởi CFS liên quan đến quyền lực của Ngân hàng trung ương sẽ phải được Bộ trưởng Bộ Tài chính giải thích trước Hội đồng Ngân hàng trung ương.

Điều 11 của Luật qui định việc sửa đổi Điều 66 trong Luật Hiến pháp cơ bản của Ngân hàng trung ương Chile, đưa ra ngoại lệ về pháp lý đối với bí mật và nhiệm vụ bảo mật của ngân hàng trung ương, khi CFS cần thông tin “được coi là cần thiết cho việc thực hiện nghĩa vụ pháp lý nhằm mục tiêu duy nhất để ngăn ngừa các trường hợp mà có thể xảy ra rủi ro hệ thống ảnh hưởng đến sự ổn định của hệ thống tài chính”. Trong trường hợp mà các thông tin như vậy được cung cấp bởi Ngân hàng trung ương thì CFS phải chịu nghĩa vụ bảo mật tương tự được nêu trong Luật này, bao gồm cả mục đích minh bạch.

Như vậy, CFS hoạt động như một cơ quan cố vấn cho Bộ trưởng Tài chính, với mục tiêu đảm bảo sự ổn định tài chính liên quan đến các vấn đề về phạm vi quyền và chức năng của nhóm cơ quan giám sát tài chính (Financial Superintendencies). Tuy nhiên, điều này không đặt ra giới hạn về quyền hạn được trao cho Ngân hàng Trung ương Chile liên quan đến chức năng và quyền hạn riêng của nó đối với mục tiêu đảm bảo sự ổn định của hệ thống tài chính (xem Điều 3 và điều 36).

C. Pháp³

Vai trò của Ngân hàng trung ương Pháp trong ổn định tài chính được đưa ra một cách rõ ràng. Điều L 141-5-1, L 141-6 và L 141-6-1 đã được bổ sung thêm để phù hợp với vai trò của Ngân hàng trung ương Pháp trong ổn định tài chính. Luật năm 2004 đã không đề cập chức năng này cho Ngân hàng trung ương Pháp. Trong Luật năm 2014, Hội đồng tối cao cho ổn định tài chính đã được đưa ra với mục tiêu rõ ràng đối với Ngân hàng trung ương là phải “giám sát...sự ổn định của hệ thống tài chính” (Điều L 141-5-1). Điều này cũng bao gồm việc yêu cầu các định chế tài chính phải cung cấp tất cả thông tin cần thiết (Điều L 141-6, mục I), thiết lập cán cân thanh toán của Pháp (mục II), thỏa thuận về các biện pháp chế tài đối việc vi phạm các yêu cầu báo cáo đối với mục I và II (mục III), thỏa thuận về chia sẻ thông tin giữa Ngân hàng trung ương và Viện Thống kê và Nghiên cứu Kinh tế trung ương cũng như các đơn vị thống kê cấp bộ khác (mục IV). Cuối cùng, với vai trò góp phần cho sự ổn định tài chính, Ngân hàng trung ương được yêu cầu đưa ra cảnh báo càng sớm càng tốt cho Cơ quan có chức năng về an toàn Pháp (Điều L 141-6-1).

³ Điều lệ Ngân hàng trung ương Pháp: phiên bản tháng 1 năm 2004 so với phiên bản tháng 6 năm 2014. Những vấn đề thảo luận ở đây dựa trên bản dịch thuật tự do không bắt buộc của Ngân hàng trung ương Pháp.

Đối với cấp độ ra quyết định, Hội đồng Chính sách tiền tệ của Ngân hàng trung ương Pháp (MPC) đã giải thể. Điều L 142-2 làm rõ việc Hội đồng chung (General Council - GC) có trách nhiệm cho tất cả vấn đề không thuộc phạm vi của Hệ thống Ngân hàng trung ương Châu Âu (ESCB).

Trước đây, Ngân hàng trung ương Pháp giao cho MPC “đánh giá các xu hướng tiền tệ và phân tích tác động của chính sách tiền tệ được xây dựng trong khuôn khổ của ESCB.”

Theo điều lệ mới, Hội đồng chung mở rộng bao gồm cả những thành viên từ các nhóm lợi ích khác nhau. GC trước đây bao gồm 7 thành viên của MPC (Thống đốc, 2 phó Thống đốc và 4 thành viên bên ngoài). GC mới (xem điều L 142-3) bao gồm 11 thành viên: Thống đốc, 2 phó Thống đốc, 2 thành viên được chỉ định bởi Chủ tịch Quốc hội, 2 thành viên được chỉ định bởi Chủ tịch Thượng viện, 2 thành viên được chỉ định bởi Ban Nội các, một đại diện được bầu của Ngân hàng trung ương, cũng như Phó Chủ tịch của Cơ quan quản lý an toàn Pháp.

Điều lệ mới cũng nhấn mạnh hơn đến việc tổ chức của hệ thống thanh toán. Điều L 141-4 thay đổi hệ thống thanh toán từ “hoạt động thông suốt và an toàn” sang “hoạt động chính xác, an toàn, phù hợp với chức năng thông suốt của hệ thống”.

D. Georgia⁴

Cấu trúc quản lý của Ngân hàng trung ương Georgia đã thay đổi. Qui mô của Hội đồng đã tăng từ 5 thành viên lên 7 thành viên. Luật cũng đã xác định rõ trong Điều 7 rằng 02 Phó Chủ tịch là thành viên Hội đồng so với 01 Chủ tịch theo qui định trước đây của Luật. Điều 8 làm rõ việc Hội đồng “phải quản lý và giám sát” Ngân hàng trung ương Georgia. Trước đây điều này được miêu tả khá chung chung, mơ hồ là “thực hiện thẩm quyền tối cao và giám sát”.

Ngân hàng trung ương Georgia nắm vai trò tiên phong trong giám sát tài chính. Điều 16 qui định Hội đồng Giám sát khu vực tài chính trong đó Ngân hàng trung ương sẽ đảm nhiệm tất cả các chức năng giám sát của Cơ quan Giám sát tài chính trước đây – một tổ chức riêng biệt và độc lập (Điều 70 – Các điều khoản chuyển tiếp), như một phần của việc tái cơ cấu Ngân hàng trung ương (Điều 70 – Các điều khoản chuyển tiếp). Chương VIII cũng nêu ra phạm vi và phương thức giám sát tài chính và quản lý điều hành của Ngân hàng trung ương.

Những thỏa thuận về xung đột lợi ích được cụ thể hóa hơn. Điều 20 (mục 8) đưa ra nghĩa vụ đối với thành viên Hội đồng và các nhân viên, và các thành viên gia đình của họ để thông báo cho Ngân hàng trung ương trong trường hợp cung cấp các khoản vay hoặc nghĩa vụ tài sản khác cho một “đại diện khu vực tài chính” nếu vượt qua một ngưỡng nhất định.

Các qui tắc phân phối lợi nhuận được tăng cường để nâng cao sự độc lập tài chính. Điều 22 (mục 3) qui định rằng Ngân hàng trung ương có quyền quyết định phân bổ nguồn dự trữ “nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự ổn định và minh bạch của hệ thống tài chính và sự tăng trưởng kinh tế ổn định của quốc gia.” Thêm vào đó, theo Luật cập nhật thì Hội đồng Ngân hàng trung ương có thể quyết định sử dụng phần lợi nhuận ròng còn lại (sau khi áp dụng qui tắc phân phối)

⁴ Luật quốc gia Georgia về Ngân hàng trung ương Georgia: phiên bản năm 2008 so với phiên bản năm 2014.

để cho vào quỹ dự trữ chung của Ngân hàng trung ương, đến khi khối lượng dự trữ thấp hơn 15% lượng tiền cơ sở vào cuối năm tài chính. Mục c điều 22 qui định kéo dài thời gian chuyển giao lợi nhuận còn lại cho Bộ Tài chính từ 4 đến 6 tháng sau khi kết thúc năm tài khóa.

Ngân hàng trung ương có thể quyết định xem loại tài sản bảo đảm nào được chấp nhận đối với các khoản cho vay của ngân hàng thương mại và các tổ chức tiền gửi phi ngân hàng. Theo Luật cũ (Điều 29), tài sản đủ điều kiện để thế chấp được liệt kê một cách rất hạn chế. Theo Luật mới Điều 31 (mục 2), Hội đồng có thể phê duyệt danh mục tài sản đủ điều kiện làm tài sản đảm bảo.

Các yêu cầu về thông tin và dữ liệu được siết chặt. Theo Luật mới Điều 33, Ngân hàng trung ương có quyền yêu cầu cung cấp báo cáo thống kê và kế toán để duy trì các số liệu thống kê tiền tệ và khu vực tài chính quốc tế” (mục 1). Điều này có thể bao gồm cả những thông tin có tính bảo mật (mục 2).

E. Israel⁵

Luật Ngân hàng trung ương Israel đã thay đổi đáng kể, bao gồm những thay đổi từ mục tiêu đến cấu trúc và tổ chức. So với Luật trước đây thì có sự khác biệt lớn rõ ràng giữa mục tiêu và chức năng của Ngân hàng trung ương (Điều 3 và 4). Mục tiêu chính đã thay đổi từ ổn định đồng tiền (Điều 3 mục 1 trước đây) sang ổn định giá cả với mục tiêu cấp hai là ổn định tài chính và hỗ trợ cho các mục tiêu chính sách kinh tế của Chính phủ (Điều 3, mục a). Việc thiết lập quyền tự chủ/tính độc lập của Ngân hàng trung ương đã được bổ sung (Điều 5), và sự độc lập cá nhân của Thống đốc đã được tăng lên (Điều 13).

Các qui định cấm liên quan đến xung đột lợi ích đã được gia tăng đáng kể. Điều 11 liệt kê một danh sách dài các “nghề nghiệp bổ sung” bị cấm, bao gồm các vị trí liên quan đến chính phủ và thương mại, cũng như việc nắm giữ chứng khoán doanh nghiệp đăng ký tại Israel.

Cấu trúc ra quyết định đã hoàn toàn thay đổi; một Ủy ban tiền tệ và Hội đồng hành chính đã được thành lập. Ủy ban tiền tệ (Điều 15) được giới thiệu với mục tiêu cụ thể là xác định chính sách tiền tệ và các hành động liên quan. Cơ quan giám sát là Hội đồng Hành chính có trách nhiệm “giám sát việc quản lý theo thứ tự và hiệu quả của Ngân hàng trung ương”, cũng như có trách nhiệm với các vấn đề liên quan đến việc phê duyệt ngân sách, báo cáo tài chính và chỉ định kiểm toán viên nội bộ. Hội đồng có một Ủy ban kiểm toán (tiểu mục C, Điều 23-25). Cả Ủy ban tiền tệ và Hội đồng hành chính đều gồm Thống đốc, Phó Thống đốc và một thành viên trong số “các thành viên được bầu chọn” (“members from amongst the public.”)⁶

Ủy ban Cố vấn cũ và Hội đồng Cố vấn bị bãi bỏ. Ủy ban Cố vấn (Điều 20) bao gồm tối đa 11 thành viên được Chính phủ bổ nhiệm để “cố vấn cho Thống đốc về mọi vấn đề.” Hội đồng Cố vấn (Điều 23) bao gồm 11 thành viên của Ủy ban Cố vấn và thêm 10 thành viên do chính phủ chỉ

⁵ Luật Ngân hàng trung ương Israel: phiên bản năm 2008 so với phiên bản năm 2010. Bản dịch tiếng Anh không chính thức được dịch bởi Ngân hàng Trung ương Israel

⁶ Các thành viên được bầu chọn được chọn lựa thông qua một khuôn khổ tìm kiếm chi tiết rộng rãi, được nêu chi tiết trong Tiểu chương E.

định đề "tư vấn cho Thống đốc về bất kỳ vấn đề nào liên quan đến chức năng của Ngân hàng trung ương", với nghĩa vụ của Thống đốc là báo cáo cho Hội đồng về chính sách tiền tệ. Cả ủy ban và hội đồng trên đã bị bãi bỏ theo luật mới, có thể đề tăng tính độc lập của Ngân hàng trung ương.

Trong khi việc cấm cho vay đối với Chính phủ vẫn được duy trì thì giới hạn tương đối về các trường hợp ngoại lệ đã được thay thế bởi các giới hạn tuyệt đối. Điều 45 thay thế qui định cũ về việc cấm cho Chính phủ vay, trừ khoản tạm ứng tạm thời là 1,6% ngân sách thường xuyên hàng năm. Luật mới thay đổi giới hạn tương đối này bằng một giới hạn cứng: 10 tỷ NIS và không quá 150 ngày trong 1 năm.

Các thoả thuận về báo cáo và công bố thông tin được tăng cường theo hướng chi tiết hoá. Ví dụ, Điều 19 (mục a) qui định việc công bố, và báo cáo lên Chính phủ, "tóm tắt nội dung các cân nhắc và biện pháp xử lý, giải trình lý do lựa chọn biện pháp xử lý, và kết quả biểu quyết đối với các biện pháp xử lý" của Ủy ban Chính sách tiền tệ. Chương 11 của Luật mới cung cấp thông tin chi tiết hơn về việc báo cáo ra công chúng.

Không có quy định nào về vốn đã góp (paid – up capital) của Ngân hàng trung ương. Theo Luật cũ (Điều 5), vốn của Ngân hàng trung ương được giữ ở mức 10 triệu bảng Anh (mục a). Luật mới không đề cập đến vốn của Ngân hàng trung ương.

F. Hàn Quốc⁷

Bản cập nhật CBLD chỉ chỉ ra những thay đổi nhỏ trong Luật ngân hàng Hàn Quốc. Hầu như tất cả các điều khoản từ Luật năm 2008 vẫn giữ nguyên trong Luật 2010. Chỉ có một thay đổi nhỏ tại Điều 32, trong đó thay đổi chức danh của cán bộ cao cấp/ giám đốc điều hành. Trước đó, NHTW Hàn Quốc (ngoài Thống đốc) có Phó Thống đốc và các trợ lý thống đốc, giờ đây thay đổi thành Phó thống đốc cao cấp và Phó thống đốc (chức vụ trợ lý thống đốc được thay đổi chức danh, không thay đổi vị trí).

G. Liberia⁸

Luật ngân hàng Trung ương Liberia không thay đổi, ngoại trừ việc mở rộng quản lý điều hành của NHTW. Điều 10 đã được sửa đổi, trong đó giới thiệu chức danh Phó thống đốc thứ 2, ngoài Thống đốc điều hành. Ngoài ra, mục 3 cho phép Thống đốc thứ ba được bổ nhiệm, trong trường hợp Thống đốc điều hành và Hội đồng quản trị đề nghị với các điều khoản và điều kiện như các Phó thống đốc khác.

H. Macedonia⁹

Bổ sung thêm các tiêu chí lựa chọn thành viên của Hội đồng Ngân hàng Quốc gia, Điều 50-a

⁷ Luật NHTW Hàn Quốc 2008 so với bản 2010

⁸ Luật thành lập Ngân hàng Trung ương của Liberia: năm 1999 so với bản nộp trong bản cập nhật CBLD 2014 - năm thực tế của việc thông qua sửa đổi nêu trên không rõ.

⁹ Luật Ngân hàng Quốc gia Cộng hòa Macedonia: năm 2010 so với bản năm 2014. Bản cùng có không chính thức do chính quyền cung cấp.

yêu cầu công bố công khai các vị trí Phó thống đốc và thành viên Hội đồng Ngân hàng quốc gia không trực thuộc (cơ quan chủ quản của NHNN). Thông báo này cần được công bố ít nhất ba ngày trên báo, với tiêu chí bổ sung rằng một trong những tờ báo này phải phát hành với ngôn ngữ được ít nhất 20% dân số sử dụng ngoài tiếng Macedonia. Các yêu cầu bổ sung liên quan tới chức danh Phó thống đốc và các thành viên không trực thuộc bao gồm các bài kiểm tra về sức khỏe tâm thần và minh bạch, trình độ tiếng Anh (bao gồm điểm tối thiểu với các bài kiểm tra ngôn ngữ).

Ngoài ra có sự thay đổi nhỏ trong chức năng của NHTW. Điều 42-A bổ sung quyền hạn của NHTW trong việc phát hành tiền xu với mục đích sưu tầm (ngoài điều 42 đề cập việc phát hành tiền xu kỉ niệm).

I. Malaysia¹⁰

Phạm vi của các biện pháp ổn định tài chính được mở rộng. Điều 31 (cũ) đã liệt kê một danh sách các biện pháp mà Ngân hàng Negara Malaysia có thể đưa ra "vì lợi ích của sự ổn định tài chính." Điều 31 sửa đổi bổ sung thêm mục (a), nhấn mạnh Ngân hàng có thể sử dụng các biện pháp "hỗ trợ khả năng phục hồi của hệ thống tài chính hay hạn chế sự tích lũy rủi ro ổn định tài chính, đối với nhóm, loại hoặc miêu tả các đối tượng tham gia vào hoạt động trung gian tài chính." Điều khoản này xác định nghĩa vụ chung của các cá nhân này là tuân thủ các biện pháp hoặc yêu cầu của Ngân hàng (mục 5), các biện pháp kiểm tra của Ngân hàng để đánh giá sự tuân thủ (mục 6) và thù lao của người thực hiện kiểm tra (được quy định tại mục 7).

Tổng Thư ký Bộ Tài chính được phép tham gia vào tất cả các cuộc họp về ổn định tài chính, bao gồm các cuộc họp liên quan tới các tổ chức tư nhân. Trước đây, điều 37 mục 4 (cũ) Tổng thư ký được (Ủy ban Điều hành ổn định tài chính) thông báo và mời tới tất cả cuộc họp của Ủy ban, ngoại trừ các cuộc họp liên quan tới các tổ chức tài chính tư nhân. Điều 37 mục 4 sửa đổi đã xóa bỏ giới hạn này và quy định rằng Tổng thư ký "được thông báo và mời đến tất cả các cuộc họp của Ban Điều hành Ổn định tài chính".

"Tài sản thế chấp tài chính" được xác định cụ thể. Điều 2 (mục 1) sửa đổi thêm định nghĩa "tài sản thế chấp tài chính", với các hình thức tiền mặt hoặc tương đương, chứng khoán hoặc hợp đồng tương lai.

J. Mauritius¹¹

Chức năng của NHTW Mauritius được mở rộng bao gồm việc nâng cao nhận thức tài chính và chống các hoạt động bất hợp pháp. Điều 6 (Chức năng của NHTW) mục e và f lần lượt bổ sung việc thúc đẩy sự hiểu biết về hệ thống tài chính của công chúng, cũng như tiến hành các cuộc điều tra và "thực hiện các biện pháp để ngăn chặn hành vi bất hợp pháp và không đúng". Ngoài ra, quyền hạn của NHTW cũng bao gồm khả năng "thành lập quỹ phát triển vì lợi ích của doanh nghiệp vừa và nhỏ" (Điều 6, mục 1 aa), để "phát triển thị trường ngoại hối và các thị

¹⁰ Luật NHTW Malaysia 2009 so với bản năm 2013

¹¹ Luật NHTW Mauritius 2004 so với bản 2013

trường phái sinh” (Điều 6 mục 1ba) và thành lập một thị trường tiền tệ Hội giáo (Điều 6 mục 4).

Các biện pháp ngăn ngừa xung đột lợi ích được tăng cường. Điều 15 (quyền sở hữu và kê khai tài sản) mục 4 quy định rằng Thống đốc và các Phó Thống đốc cần kê khai tài sản của người đó, vợ/chồng, con và cháu của mình gửi cho Bộ trưởng.

Thỏa thuận chia sẻ dữ liệu của NHTW Mauritius với Ủy ban Dịch vụ Tài chính và Cục thống kê được mở rộng. Điều 26 (Bảo mật) mục 4 (a) (cũ) quy định việc chia sẻ thông tin của NHTW với Ủy ban Dịch vụ tài chính và các cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan nhà nước khác. Tại điều 26 mục 4 (a) sửa đổi, Ủy ban Dịch vụ tài chính bị xóa, và bổ sung mục phụ riêng biệt 4 (aa) cho phép NHTW tiết lộ bất kỳ “thông tin nào do Ủy ban yêu cầu nhằm mục đích hỗ trợ thực hiện chức năng của Ủy ban”, nói rộng khả năng chia sẻ thông tin với Ủy ban. Ngoài ra, mục 4 (d) được thêm quy định NHTW có thể tiết lộ bất kỳ thông tin hay dữ liệu nào cho “Cục thống kê để Giám đốc cục thống kê giải quyết, hoặc hỗ trợ trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình theo Luật Thống kê”. Thông tin do phòng thông tin Tín dụng Ngân hàng (Điều 52) thu thập và chia sẻ với các tổ chức khác cũng được mở rộng.

Kế toán và phân bổ vốn được làm rõ hơn. Cụ thể, Điều 47 (mục 1(A) quy định các khoản lãi hoặc lỗ cần được ghi có hoặc ghi nợ vào Quỹ dự trữ đặc biệt. Điều khoản cũ không đề cập tới việc sắp xếp các khoản lỗ hoặc lãi chưa thực hiện.

Ủy ban đánh giá dịch vụ ngân hàng được thành lập. Phần VIIIA của luật sửa đổi quy định về việc thành lập một ủy ban đặc biệt, có nhiệm vụ xem xét các khiếu nại từ các tổ chức tài chính “không hài lòng với quyết định của Ngân hàng” liên quan đến hầu hết các hình phạt.

Thành phần của Ủy Ban Chính sách tiền tệ (MPC) được thay đổi. Trước đây, MPC bao gồm các giám đốc điều hành và ba người ngoài, cũng như hai giám đốc ngân hàng. Luật sửa đổi thay thế Giám đốc ngân hàng với “hai cá nhân khác”, cho phép nhân viên NHTW (bao gồm cả những người có chức danh dưới giám đốc) hoặc bên ngoài vào MPC. Điều 54 mục 2(A) bổ sung Quy tắc ứng xử đối với MPC, “điều hành các cuộc họp và báo cáo mỗi năm một lần cho hội đồng quản trị về việc tuân thủ quy tắc ứng xử” – do đó tăng trách nhiệm giải trình của MPC.

Ủy Ban bền vững tài chính được thành lập. Điều 33 (cũ) liên quan gián tiếp đến các chính sách ổn định tài chính của NHTW, mục IX mới quy định một cách rõ ràng về các chính sách ổn định tài chính thông qua việc thành lập Ủy ban Bền vững Tài Chính (FSC). FSC do bộ trưởng điều hành và bao gồm Thống đốc, Thư ký tài chính, Giám đốc điều hành của Ủy ban Dịch vụ tài chính và giám đốc FIU.

K. Mexico¹²

Luật Banco de Mexico hướng tới tăng cường sự tuân thủ của các tổ chức tài chính. Điều 26 (cũ) quy định nghĩa vụ tuân thủ của các tổ chức tín dụng đối với “các quy định của NHTW”. Điều này được sửa đổi vào năm 2014, thêm câu: các tổ chức tài chính “phải tuân thủ điều khoản chung khác do Do Banco de México quy định”. Tương tự, Điều 27 sửa đổi thêm hướng dẫn chi tiết cho Banco de Mexico về những điều cần lưu ý khi xem xét các biện pháp trừng phạt đối với

¹² Luật Banco de Mexico năm 1993 sơ với bản 2014

các tổ chức tài chính. ví dụ, các cân nhắc bổ sung bao gồm thời hạn của khoản nợ xấu, và - trường hợp tái phạm – mức phạt tăng lên gấp đôi. Điều này cũng đưa ra các hình thức phạt (thay vì phạt hành chính) và các yếu tố giảm nhẹ (trong đó đưa ra ví dụ) được xem xét, cung cấp các công cụ xử phạt linh hoạt hơn cho NHTW. Điều 36 cộng, 36 cộng 1, và 36 cộng 2 đưa ra những hướng dẫn chi tiết về phạt hành chính.

Việc giám sát các trung gian tài chính được tăng cường, hợp tác ổn định tài chính được củng cố. Điều 35 cộng mới cho phép Banco de Mexico giám sát các trung gian tài chính bao gồm kiểm tra và giám sát. Điều này đi kèm với yêu cầu hiện tại là các cơ quan trung gian tài chính cần chia sẻ thông tin liên quan tới Ngân hàng (Điều 36). Điều 36 được sửa đổi để tăng cường hợp tác ổn định tài chính. Điều khoản trước đây chỉ cho phép ủy ban giám sát hệ thống tài chính “tổ chức các cuộc kiểm tra” các tổ chức trung gian tài chính với sự tham gia của cán bộ NHTW. Luật sửa đổi quy định NHTW phối hợp tổ chức kiểm tra đối với các ủy ban giám sát mà không ảnh hưởng tới cuộc kiểm tra thực hiện theo điều 35 cộng của mình. Điều này xác định vai trò lớn hơn của NHTW trong việc giám sát các trung gian tài chính, đồng thời tăng cường hợp tác liên ngành từ góc độ ổn định tài chính.

Thông đốc bây giờ được chỉ định bởi Giám đốc Liên bang (Federal Executive). Giám đốc Liên bang là Nội các Mexico gồm 18 Lãnh đạo của các Bang (Secretaries of State), người đứng đầu văn phòng pháp luật của giám đốc liên bang và Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Theo luật cũ, Tổng thống được quyền bổ nhiệm Thông đốc.

Tăng cường công khai minh bạch. Điều 41 (Điều khoản chung) sửa đổi quy định báo cáo về lạm phát, phát triển kinh tế, các chỉ số kinh tế và thực thi chính sách tiền tệ cần được trình lên Quốc hội Mexico (ví dụ ban thường trực) hàng quý thay vì một năm như trước đây. Điều này tăng cường yêu cầu về công bố và báo cáo đối với các cơ quan lập pháp.

L. Pakistan¹³

Tăng cường tính tự chủ của NHTW đồng thời hạn chế ảnh hưởng của Chính phủ (có thể xảy ra). Điều 46B (mục 2) cấm việc chỉ thị cho NHTW, các thành viên HĐQT và nhân viên: “Tính tự chủ của NHTW luôn được tôn trọng”. Tương tự, Điều 52 (quyền hạn của Chính phủ thay thế Hội đồng) bị bãi bỏ. Điều này cho phép Chính phủ can thiệp vào nếu “theo chính phủ Liên bang, NHTW thất bại trong việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào”.

Quy mô của Hội đồng được mở rộng, các tiêu chí phù hợp được áp dụng. Điều 9 (mục 2) quy định Hội đồng gồm Thông đốc, Thư ký Tài chính (The Financial Secretary) và tám thành viên khác (bảy thành viên theo luật cũ). Khoản 3 quy định các tiêu chí của thành viên Hội đồng. Trước đây, các thành viên Hội đồng phải đảm bảo “đại diện cho ngành nông nghiệp, ngân hàng và công nghiệp”. Điều này được thay thế bằng “các chuyên gia ưu tú từ các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng và kế toán”. Ngoài ra, mục 3 quy định việc cấm “những xung đột ảnh hưởng đến hoạt động của NHTW”.

Tương tự, Ban điều phối chính sách tiền tệ và tài khóa của NHTW được mở rộng với hai

¹³ Luật NHTW Pakistan 2002 so với bản 2012

thành viên là nhà kinh tế học. Điều 9 B (mục 1) quy định, ngoài các thành viên được chỉ định theo luật trước, Hội đồng bao gồm thêm “hai nhà kinh tế vĩ mô hoặc tiền tệ có thành tích xuất sắc về nghiên cứu và giảng dạy”.

Mức độ tài trợ tài khóa tiếp tục giảm, đồng thời tăng cường tính công khai. Điều 9 mới quy định giới hạn vay của chính phủ liên bang, “vào mỗi cuối kỳ ... sẽ đưa về số không”. Bộ trưởng Bộ tài chính có nghĩa vụ (mục 3) giải trình chi tiết trước Quốc hội nếu điều 9 C không được chính phủ Liên bang kiểm soát.

Hoạt động thị trường mở được quy định rõ ràng. Điều 18 quy định các điều kiện để NHTW hoạt động trên thị trường tài chính (mục 1), với Hội đồng (điều 2) quyết định các công cụ và yêu cầu kiểm soát tiền tệ, trong đó có các công cụ Shariah (công cụ tài chính Hồi giáo).

M. Nga¹⁴

Sự thay đổi quan trọng nhất trong Luật là việc đưa ra mục tiêu pháp lý của Ngân hàng Nga đó là giám sát và điều tiết thị trường tài chính. Chương X, phiên bản 2014 của Luật quy định vai trò của ngân hàng trung ương trong việc điều chỉnh, kiểm soát và giám sát thị trường tài chính. Luật quy định (Điều 762) rằng Ngân hàng trung ương sẽ có nhiệm vụ điều tiết, kiểm soát và giám sát các tổ chức tài chính phi tín dụng (được định nghĩa tại Điều 761). Điều 761 cho thấy mục tiêu chính của chức năng này là “duy trì sự phát triển ổn định của thị trường tài chính của Liên bang Nga và quản lý hiệu quả các rủi ro xuất hiện trên thị trường tài chính”. Luật liệt kê một số lượng lớn các biện pháp mà ngân hàng trung ương có thể thực hiện (trong các tình huống khủng hoảng, và nhiệm vụ bảo vệ nhà đầu tư và người tiêu dùng), nhưng nhấn mạnh rằng ngân hàng trung ương “sẽ không can thiệp vào các hoạt động hàng ngày của các tổ chức tài chính phi tín dụng”.

Luật năm 2014 mở rộng các mục tiêu của Ngân hàng Nga. Trong phiên bản năm 2011, “mục đích” (Điều 3) được liệt kê là việc bảo vệ đồng rúp và đảm bảo sự ổn định, phát triển và củng cố hệ thống ngân hàng, và đảm bảo chức năng hoạt động hiệu quả và không bị gián đoạn của hệ thống thanh toán. Phiên bản 2014 không thay đổi ba mục tiêu này (mặc dù mục tiêu cuối cùng đã được thay đổi để “đảm bảo sự ổn định và phát triển hệ thống thanh toán”), nhưng đã thêm vào nhiệm vụ phát triển và đảm bảo sự ổn định của thị trường tài chính. Điều này được phản ánh tương tự trong Điều 4, nêu bật các chức năng của Ngân hàng Nga, bổ sung các chức năng liên quan tới các tổ chức tài chính phi tín dụng (Điều 4, mục 91), cũng như các vấn đề liên quan đến chứng khoán (Điều 4, mục 10).

Vai trò của Ngân hàng Nga đối với các nguyên tắc kế toán đã được cải tiến. Trong phiên bản Luật năm 2011, Điều 14 (mục 14) quy định rằng ngân hàng trung ương “sẽ thiết lập các quy tắc kế toán và báo cáo cho hệ thống ngân hàng của Liên bang Nga”. Trong phiên bản năm 2014, tiểu mục này (tại Điều 3) được thay thế bằng một văn bản mở rộng hơn, tạo sự khác biệt rõ ràng hơn giữa các tổ chức khác nhau trong việc áp dụng các tiêu chuẩn kế toán, cũng như một số vấn đề

¹⁴ Luật Liên bang Nga về Ngân hàng Trung ương Liên bang Nga (hay gọi tắt là Ngân hàng Nga): phiên bản năm 2011 so sánh với phiên bản năm 2014.

về hoạt động: “ngân hàng trung ương sẽ phê duyệt các tiêu chuẩn kế toán theo ngành cho các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nga và các tổ chức tài chính phi tín dụng, một hệ thống các tài khoản cho hoạt động kế toán của các tổ chức tín dụng và quy trình áp dụng nó, một hệ thống các tài khoản cho Ngân hàng Nga và quy trình áp dụng”.

Ngoài ra, Ngân hàng Nga nên đóng vai trò tích cực đối với các dữ liệu đầu tư trực tiếp. Luật năm 2011 nhấn mạnh tại Điều 4 (mục 18) rằng ngân hàng trung ương có vai trò phân tích và dự báo nền kinh tế Nga, đồng thời công bố các tài liệu và dữ liệu có liên quan. Phiên bản năm 2014 của luật bổ sung thêm một số mục của Điều 3 về việc tổng hợp các dữ liệu thống kê về đầu tư trực tiếp (mục 162), và phát triển phương pháp thống kê riêng của mình cho đầu tư trực tiếp (mục 163).

Nhiệm vụ ngăn chặn các xung đột lợi ích trong Ngân hàng Nga được bổ sung rõ ràng trong phiên bản mới của luật. Trong phiên bản 2014 của luật mới, Điều IV1 viết: “thực hiện các chức năng theo luật liên bang, Ngân hàng Nga có nghĩa vụ xây dựng và theo đuổi một chính sách để ngăn chặn, phát hiện và quản lý các mâu thuẫn về lợi ích”.

Điều này được nhấn mạnh hơn nữa trong các điều khoản liên quan đến Chủ tịch Ngân hàng Nga nói riêng. Danh sách đã có (Điều 14, phiên bản luật năm 2011) về các lý do bãi miễn Chủ tịch được thêm vào một đoạn (Điều 14, phần cuối) mô tả “thất bại trong việc thực hiện các biện pháp ngăn chặn hoặc giải quyết các mâu thuẫn lợi ích”. Quy định này liên quan cụ thể đến “thông tin không đầy đủ hoặc không đáng tin cậy về thu nhập, chi phí, tài sản hoặc nghĩa vụ liên quan đến tài sản của người đó” cũng như của vợ/chồng người đó và con cái người đó ở tuổi vị thành niên.

Quy mô của Hội đồng Ngân hàng Nga được mở rộng từ 13 đến 15 thành viên, bao gồm cả Chủ tịch. (Xem Điều 15, mặc dù luật không có điều khoản trực tiếp và rõ ràng lý giải tại sao lại bổ sung thêm hai thành viên).

*N. Singapore*¹⁵

Ổn định tài chính và giám sát tài chính là hai mục tiêu được bổ sung vào mục tiêu của Cơ quan tiền tệ, mục tiêu và chức năng của cơ quan này được phân biệt. Điều 4 quy định rõ “đổi tượng và chức năng”. Phiên bản sửa đổi năm 2013 của luật bao gồm những thay đổi trong mục tiêu và chức năng của Cơ quan tiền tệ:

- Chính sách tiền tệ: mục tiêu được liệt kê đầu tiên “ổn định tiền tệ” đã được đổi thành “ổn định giá cả”, và thúc đẩy sự ổn định đó trong bối cảnh “chính sách kinh tế chung của Chính phủ” bị xóa bỏ.

- Ổn định tài chính: ổn định tài chính là mục tiêu được liệt kê thứ hai, đã được bổ sung vào so với phiên bản luật năm 1999. Mục tiêu này cũng tập trung vào việc thúc đẩy Singapore thành một trung tâm tài chính “vững mạnh và uy tín”, mà không phải là một trung tâm tài chính “vững mạnh và tiến bộ” như trước đây. Chủ đề về thúc đẩy Singapore thành một trung tâm tài chính được củng cố trong việc liệt kê cả mục tiêu (Điều 4, mục 1 (d)) và chức năng (Điều 4, mục 2

¹⁵ Đạo luật về Cơ quan Tiền tệ của Singapore: phiên bản năm 1999 so sánh với phiên bản năm 2013

(d)).

- Chức năng: bổ sung các chức năng thực thi “giám sát hợp nhất lĩnh vực dịch vụ tài chính”, “giám sát ổn định tài chính”, cũng như quản lý “dự trữ ngoại hối chính thức của Singapore” (Điều 4, tiểu mục 2(b) và (c)). Phần IVA của Đạo luật quy định cơ chế “kiểm soát các tổ chức tài chính”; phần IVB làm rõ cơ chế giải quyết.

Quy mô của Hội đồng quản trị được mở rộng đáng kể, và các cơ chế công bố thông tin quyết liệt hơn được đề ra. Theo phiên bản Luật năm 2013 (Điều 7, mục 3 b), Hội đồng quản trị hiện tại không thể có ít hơn bốn thành viên, và không quá 13 giám đốc, trong khi trước đó luật quy định tối đa là 9 giám đốc. Mục 4 bổ sung rằng Hội đồng được yêu cầu trình Bộ trưởng bất kỳ thông tin nào mà Bộ trưởng có thể yêu cầu “có liên quan đến các nhiệm vụ và chức năng quản lý của Cơ quan Tiền tệ”.

Cơ chế cho vay của chính phủ cũng được làm rõ. Điều 23 (mục 1ea) đề xuất khả năng Cơ quan Tiền tệ của Singapore có thể “cấp bất kỳ khoản vay, tạm ứng, thấu chi hay các khoản tín dụng khác cho Chính phủ theo các điều khoản và điều kiện mà Cơ quan này cho là phù hợp”. Tuy nhiên, Mục 4 nhấn mạnh rằng những khoản trợ cấp này có thể chỉ được thực hiện nếu nó là “yêu cầu của Chính phủ để đáp ứng thiếu hụt đột xuất và tạm thời của doanh thu Chính phủ mà không đủ bù đắp nhu cầu chi tiêu”.

Quyền hạn phòng chống rửa tiền được giao công khai cho Cơ quan Tiền tệ. Điều 27B (Mục 1) cho phép Cơ quan này ban hành các chỉ dẫn và quy định liên quan đến việc phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, bao gồm việc xử phạt các tổ chức không tuân thủ các hướng dẫn và quy định này (Tiểu mục 2).

Việc phát hành các chứng khoán riêng cũng được bổ sung vào quyền hạn của Cơ quan Tiền tệ. Điều 23 (Mục 1ga) cho phép việc phát hành (liên quan đến phần VA của Đạo luật), cũng như việc mua, mua lại (repurchase), bán, hoàn lại (redeem), chiết khấu và tái chiết khấu các chứng khoán này cho “các mục đích của việc điều hành thị trường tiền tệ”.

Các cơ chế giải quyết tranh chấp được bổ sung vào quyền hạn của Cơ quan Tiền tệ. Điều 28A cho phép Cơ quan này “phê duyệt bất kỳ phương án giải quyết tranh chấp nào để giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến việc cung cấp các dịch vụ tài chính của các tổ chức tài chính”, và cung cấp thêm các công cụ và biện pháp để Cơ quan đặt ra các quy định, đề ra các biện pháp trừng phạt và các yêu cầu công bố thông tin...

O. Thổ Nhĩ Kỳ¹⁶

Thổ Nhĩ Kỳ có một số thay đổi liên quan đến việc ra quyết định về các hoạt động của ngân hàng trung ương nước này. Điều 22 (Mục o) hiện tại đang quy định rằng Ngân hàng Trung ương của Hội đồng Thổ Nhĩ Kỳ “có thể ủy thác một phần quyền lực của mình cho các cơ quan khác”.

Sự thay đổi về Ủy ban Kiểm toán của Hội đồng cho phép linh hoạt hơn trong việc chọn lựa các thành viên. Điều 23 (Ủy ban kiểm toán) quy định bốn thành viên của Ủy ban Kiểm toán sẽ do Đại Hội đồng bầu ra, bao gồm các cổ đông của ngân hàng trung ương. Theo phiên bản trước

¹⁶ Luật về Ngân hàng trung ương của Cộng hòa Thổ Nhĩ Kỳ: phiên bản 2010 so sánh với phiên bản 2013

của luật, mỗi thành viên trong số bốn thành viên này được lựa chọn bởi bốn nhóm cổ đông (ngân hàng trung ương có các cổ đông bao gồm:

(a) Kho bạc, (b) các ngân hàng quốc gia, (c) các ngân hàng phi quốc gia, và các tổ chức thương mại Thổ Nhĩ Kỳ và các pháp nhân, cá nhân hợp pháp có quốc tịch Thổ Nhĩ Kỳ).

Điều kiện tiêu chuẩn đối với các Phó Thống đốc được mở rộng. Điều 29 liệt kê, ngoài các yêu cầu trước đây về “luật, tài chính công¹⁷, kinh tế học, quản trị kinh doanh, ngân hàng”, có thêm những lĩnh vực cụ thể như ‘tài chính, kỹ thuật, hành chính, khoa học chính trị, quan hệ quốc tế và thống kê hoặc trong các ngành kinh tế học và khoa học hành chính’.

Có một thay đổi nhỏ liên quan đến tần suất các cuộc họp của Ủy ban Chính sách Tiền tệ. Điều 22/A, Mục 4 hiện tại quy định rằng các cuộc họp của Ủy ban Chính sách Tiền tệ nên được tổ chức ít nhất 8 lần một năm theo yêu cầu của Thống Đốc.

IV. Ví dụ về sự khác biệt giữa các quốc gia

Ngoài nghiên cứu về sự phát triển của các quốc gia theo thời gian, như đã thảo luận tại phần trước, CLBD cũng cho phép so sánh giữa các nước ở một số chủ đề được lựa chọn. Phần này thảo luận các ví dụ trong bốn lĩnh vực chủ đề: (a) độc lập và tự chủ, (b) định nghĩa ổn định tài chính, và (c) ổn định giá cả như một mục tiêu của ngân hàng trung ương, trong đó thực hiện so sánh trên cơ sở dữ liệu từ bản cập nhật cuối của CBLD, và (d) quỹ trình quyết định chính sách tiền tệ trong ngân hàng trung ương. Tất cả bốn ví dụ đều liên quan đến các vấn đề chính của ngân hàng trung ương mà việc xem xét các khung khổ pháp lý của các ngân hàng trung ương (đồng cấp và có liên quan) và các liên minh tiền tệ có thể cung cấp đầu vào hữu ích cho cả việc nghiên cứu và hoạch định chính sách.

A. Độc lập và tự chủ

Khả năng một ngân hàng trung ương hoạt động độc lập với chính phủ, đặc biệt trong lĩnh vực chính sách tiền tệ, đã được chấp nhận rộng rãi. Các Nguyên tắc Cơ bản của Basel về Giám sát Hiệu quả cũng mở rộng điều này sang lĩnh vực giám sát tài chính. Tuy nhiên, dường như có một câu hỏi mở rộng về sự khác biệt giữa “độc lập” và “tự chủ”. Điều này mở rộng sang các nghiên cứu học thuật, bản thân các ngân hàng trung ương và ngôn ngữ được sử dụng trong các khung khổ pháp lý của ngân hàng trung ương.¹⁸

Theo định nghĩa pháp lý của cả hai thuật ngữ này, CBLD cho phép kiểm tra cách thức các khung pháp lý của các ngân hàng trung ương tương tác với tính độc lập và tự chủ. Bảng dưới đây bao gồm thông tin từ CBLD trong đó các quốc gia quy định một vài hình thức của “độc lập” (bao gồm cả “độc lập” và “mang tính chất độc lập”), các quốc gia áp dụng “tự chủ” (bao gồm “tự

¹⁷ Từ “công” đã được thêm vào để làm rõ trong phiên bản luật năm 2013

¹⁸ Xem một cuộc thảo luận gần đây, Khan, A, Tài liệu nghiên cứu của IMF 16/34 (2016), Quản trị Ngân hàng trung ương và Vai trò của Quản lý Rủi ro Phi tài chính. Các nghiên cứu liên quan khác bao gồm: Balls (2016), Berger (2000), Cochrane (2016), Fischer (1995), Lybek (1998), BIS (2003), Crowe (2008), Dincer (2014), Arnone (2007). Gần đây nhất, Garriga (2017) đã tiến hành một phân tích chuyên sâu về sự độc lập của ngân hàng trung ương.

chủ” và “mang tính tự chủ”), và các quốc gia áp dụng kết hợp cả hai. Trong một trường hợp riêng lẻ, không thuật ngữ nào được sử dụng (ví dụ, Argentina với thuật ngữ “tự quản trị”).

“Độc lập” là thuật ngữ pháp lý được sử dụng trong phần lớn các khuôn khổ pháp lý của ngân hàng trung ương, nhưng với một vài biến thể. Đạo luật ESCB sử dụng thuật ngữ “độc lập”, mặc dù chỉ như tiêu đề của một mục, không phải trong văn bản theo sau đạo luật này. Một số quốc gia (Cộng hòa Dominica, Irac, Slovenia) sử dụng “độc lập” trong hiến pháp, nhưng sử dụng “quyền tự chủ” trong luật ngân hàng trung ương (chỉ có Macedonia sử dụng ngược lại). Một số quốc gia kết hợp độc lập và quyền tự chủ trong cùng một câu. Ví dụ, ở Liberia, luật ngân hàng trung ương quy định một “ngân hàng trung ương độc lập với quyền quản lý tự chủ”. Các cuộc thảo luận trong các tài liệu liên quan nhấn mạnh những khó khăn trong việc xác định tính độc lập và/hoặc tự chủ. Xem ví dụ BIS (2009), BIS (2011).

Ngoài ra, những phát hiện của CBLD cho thấy sự khác biệt trong việc sử dụng các dạng thức danh từ và tính từ. Khi độc lập và tự chủ được sử dụng như tính từ, hai thuật ngữ này dường như đề cập đến một bối cảnh hẹp hơn so với bối cảnh toàn bộ ngân hàng trung ương. Tương tự, một số luật chỉ đề cập tới bối cảnh hẹp hơn của “tự chủ tài chính”.

Sự khác biệt do Lybek (2004) chỉ ra có thể cung cấp một bằng chứng hữu ích: tự chủ có thể dẫn đến tự do hoạt động, sự độc lập có thể ngụ ý một sự thiếu vắng những ràng buộc về thể chế.¹⁹ Mặt khác, cũng có thể các thuật ngữ này được sử dụng hoán đổi cho nhau, và trong một số trường hợp được lựa chọn mà không có mục đích phân định ý nghĩa. Như vậy, những phát hiện của CBLD được trình bày ở đây có thể đưa vào thảo luận học thuật và chính sách về sự khác biệt giữa độc lập và tự chủ.

Bảng 2. Tổng quan về thuật ngữ pháp lý liên quan đến độc lập/tự chủ trong Luật ngân hàng trung ương và Hiến pháp

“(1)” Đề cập đến thực tế nhóm các quốc gia được liệt kê có dẫn chiếu đến “quyền tự chủ” trong khuôn khổ pháp lý của quốc gia. “(2)” Đề cập đến thực tế nhóm các quốc gia được liệt kê có dẫn chiếu đến “độc lập” trong khuôn khổ pháp lý của quốc gia. Trong các trường hợp sử dụng các thuật ngữ khác nhau trong các văn bản pháp luật khác nhau (tức là Luật ngân hàng trung ương và Hiến pháp), văn bản pháp luật cụ thể cũng được đề cập.			
Thứ tự	Thuật ngữ pháp lý	Ví dụ về quốc gia	Ví dụ về văn bản được lựa chọn
1	Độc lập/có tính chất độc lập	Albania Armenia Liên minh Châu Âu/Liên minh Tiền tệ	Bảng cân đối độc lập (Azerbaijan) Sự độc lập của các tổ chức tự chủ (Ai Cập)

¹⁹ **Lybek (2004)**

	Châu Âu Azerbaijan Belarus Bỉ Bulgaria CAMU Trung Quốc Congo (1) Croatia (1) Cyprus Cộng hòa Séc Đan Mạch Cộng hòa Dominica (1 – Hiến pháp) Ai Cập Estonia Fiji Phần Lan Pháp Georgia Đức Ghana Hy Lạp Hungary Iceland Indonesia Iraq (1- Hiến pháp) Ireland Ý (1) Kazakhstan Hàn Quốc (1) Kosovo (1) Cộng hòa Kyrgyz Latvia (2)	Ngân hàng trung ương độc lập với quyền quản lý tự chủ (Liberia) Độc lập và không sợ hãi, thiên vị hay thành kiến (Nam Phi) Mục tiêu lạm phát được đưa ra một cách độc lập (Georgia – mặc dù luật lệ riêng cũng nêu rõ Ngân hàng Quốc gia “sẽ được hưởng quyền tự chủ (độc lập)”. Ngân sách độc lập (Trung Quốc).
--	---	--

		Liberia Lithuania Luxembourg (1) Macedonia (1- luật ngân hàng trung ương) Malta Mauritania Mauritius Moldova Montenegro Hà Lan Oman Paraguay (1) Philippines Phần Lan Bồ Đào Nha Qatar Romania Nga San Marino Serbia (1- Hiến pháp và luật ngân hàng trung ương) Cộng hòa Slovak Slovenia (1- Hiến pháp) Nam Phi Tây Ban Nha (1) Sudan Thụy Sĩ Syria Tonga Turkmenistan	
--	--	--	--

		Ukraine Anh Yemen (1)	
2	Tự chủ/có tính chất tự chủ	Algeria Angola Bahrain Bolivia Bosnia và Herzegovina Brazil Campuchia Chile Congo (2) Croatia (2) Cộng hòa Dominica (2- luật ngân hàng trung ương) Ethiopia Georgia (xem chú thích ở trên) Guatemala Guyana Haiti Iraq (2- luật ngân hàng trung ương) Israel Ý (2) Nhật Bản Jordan Hàn Quốc (2) Kosovo (2) Latvia (2) Luxembourg (2) Macedonia (2- Hiến	Tự chủ tài chính (Algeria, Luxembourg, Morocco) Tự chủ tài chính và quản trị (Mozambique, Yemen) Tự chủ bất động sản, tài chính và quản trị (Angola) Cơ quan Nhà nước tự trị (Bolivia) Quyền tự chủ quản lý (Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Congo) Độc lập về quản lý và tài sản, tự chủ hoạt động (Paraguay) Được trao quyền lâu dài và sẽ có quyền tự chủ hoạt động (Campuchia)

		pháp) Madagascar Malaysia Mexico Morocco Mozambique Myanmar Nepal Pakistan Paraguay (2) Peru Serbia (2- luật ngân hàng trung ương) Slovenia (2- luật ngân hàng trung ương) Quần đảo Solomon Tây Ban Nha (2) Tanzania Tunisia Thổ Nhĩ Kỳ Uruguay Yemen (2)	
3	Khác	Tự quản trị (Argentina) Tự chủ tài chính và quản trị (Ecuador)	Ecuador là một trong số ít các quốc gia mà ngân hàng trung ương là “một bộ phận của nhánh hành pháp”. Việc soạn thảo các chính sách tiền tệ và tài chính được thực hiện bởi quyền hành pháp, và “thực hiện thông qua Ngân hàng Trung ương”. Do đó, quyền tự chủ của cơ quan này chỉ mở rộng ra các vấn đề về ngân sách bị giới hạn và các vấn đề quản trị.

Nguồn: Dữ liệu về Luật Ngân hàng Trung ương của IMF, phần 2.04.

B. Định nghĩa ổn định tài chính

Trong các cuộc thảo luận về mặt học thuật và chính sách²⁰, không có một định nghĩa chính xác và chuẩn mực nào về ổn định tài chính, hoặc việc chính sách an toàn vĩ mô là một phần của mục tiêu ổn định tài chính; luật NHTW tại các nước cũng có quy định khác nhau về điều này. Bảng 3 dưới đây cung cấp các thuật ngữ khác nhau liên quan đến ổn định tài chính được sử dụng trong luật ngân hàng trung ương tại một số quốc gia²¹. Việc thiếu định nghĩa chính xác về ổn định tài chính trong nhiệm vụ pháp lý của các ngân hàng trung ương một mặt cho phép các NHTW có sự linh hoạt, mặt khác có thể tạo ra một mức độ mơ hồ nhất định về những gì NHTW phải chịu trách nhiệm, hoặc những gì NHTW không phải chịu trách nhiệm.

Theo khảo sát các văn bản pháp luật, "sự ổn định của hệ thống tài chính" và "ổn định tài chính" là các thuật ngữ được sử dụng phổ biến nhất (và có thể được sử dụng thay thế cho nhau, như trường hợp EMU sử dụng cả hai thuật ngữ). Tuy nhiên, các thuật ngữ khác liên quan đến sự ổn định của hệ thống ngân hàng cũng được sử dụng (trong đó dường đã loại trừ hệ thống phi ngân hàng) và có những dẫn chiếu tới, chẳng hạn như, "một hệ thống tài chính dựa trên thị trường (market-based) ổn định".

Bảng 3. Thuật ngữ ổn định tài chính trong luật NHTW các nước

STT	Thuật ngữ ổn định tài chính trong luật NHTW	Ví dụ trong một số quốc gia
Thuật ngữ pháp lý được sử dụng nhiều nhất		

²⁰ Xem, IMF, năm 2015, Chính sách tiền tệ và ổn định tài chính, Báo cáo chuyên gia; BIS (2011); Schinasi, Garry J., 2004, Định nghĩa ổn định tài chính, Báo cáo của IMF số 04/187; BIS, 2003, "Các vấn đề Tài chính và Ngân hàng Trung ương ở các nền kinh tế mới nổi", BIS Papers Series 20; Bayoumi, T, Giovanni Dell'Ariccia, Karl Habermeier, và các cộng sự, "Chính sách tiền tệ trong bối cảnh bình thường mới", Thảo luận chuyên gia IMF số 14/3, 2014.

²¹ Mục tiêu "Ổn định tài chính" cũng có thể bao gồm các chức năng của ngân hàng trung ương như giám sát vĩ mô và giám sát vĩ mô thận trọng, giải quyết và/ hoặc quản lý khủng hoảng. Đối với việc thảo luận ở đây về sự ổn định tài chính trong khuôn khổ pháp lý của ngân hàng trung ương, các chức năng này đã bị loại bỏ, trừ khi có sự tham khảo khác biệt trong luật pháp (xem, ví dụ, Thái Lan và tham chiếu đến "sự ổn định của hệ thống tổ chức tài chính").

1.	Ổn định của hệ thống tài chính	Bahamas, Botswana, Chile, EMU (khu vực đồng tiền chung Châu Âu), Ireland, Kosovo, Mauritania, Mauritius, Mexico, Montenegro, Myanmar, Papua New Guinea, Paraguay, San Marino, Serbia, Solomon Islands, Sri Lanka, Tonga (Constitution), Tunisia, United Kingdom, Ethiopia, Namibia, Seychelles, Uruguay, Gambia, Georgia, Ireland, Israel, Japan, Kazakhstan, và New Zealand.
2.	Ổn định tài chính	Argentina, EMU (khu vực đồng tiền chung Châu Âu), Iceland, Korea, Malaysia, Montenegro (Constitution), Oman, Singapore, và Tonga (CB Law).
3.	Ổn định của hệ thống ngân hàng	Armenia, Azerbaijan, Belarus, Ukraine, và Turkmenistan
4.	Hệ thống tài chính dựa trên thị trường ổn định và/hoặc cạnh tranh	Afghanistan, Iraq, Macedonia, Moldova, và Yemen.
5.	Hệ thống ngân hàng dựa trên thị trường ổn định	Albania
Các thuật ngữ pháp lý khác ít được sử dụng hơn		
6.	Niềm tin vào khu vực tài chính	Bahrain
7.	Tính thanh khoản và khả năng thanh toán của các tổ chức tài chính	Brazil
8.	Tính ổn định/chức năng của hệ thống (ngành) ngân hàng và tài chính	Djibouti, Nepal, và Qatar
9.	Chức năng hoạt động của hệ thống	Cộng hòa Dominica
10.	Cấu trúc tài chính vững mạnh	ECCU, Malawi, và Maldives
11.	Tính toàn vẹn của hệ thống tiền tệ và ngân hàng	Ai Cập
12.	Sự lành mạnh của hệ thống ngân hàng	Ai Cập (Luật NHTW) và Sudan
13.	Các hệ thống ngân hàng và tín dụng	Ghana
14.	Tính ổn định của hệ thống trung gian tài chính	Hungary

15.	Tính ổn định của hệ thống các định chế tài chính	Thailand
16.	Tính ổn định của các hệ thống tài chính	Zambia

Nguồn: IMF

C. Mục tiêu ổn định giá của NHTW²²

Phần lớn Luật NHTW tại các quốc gia đều xác định ổn định giá là mục tiêu trọng tâm, cùng với các mục tiêu vĩ mô phụ trợ khác²³. Trong số 154 nước của bản cập nhật CBLD 2016, 127 quốc gia có tham chiếu đến việc ổn định giá cả trong mục tiêu của họ. Hình 1 (sau bản cập nhật năm 2014) và 2 (trước bản cập nhật năm 2014) cho thấy tỷ lệ phần trăm các quốc gia chỉ đề cập đến mục tiêu ổn định giá hoặc xác định mục tiêu ổn định giá cùng các mục tiêu vĩ mô phụ trợ khác, hoặc mục tiêu ổn định giá bên cạnh các mục tiêu vĩ mô. Khi phân theo mức thu nhập, các quốc gia có mức thu nhập thấp và trung bình thường có xu hướng kết hợp mục tiêu ổn định giá với các mục tiêu vĩ mô khác, xem Hình 3 (sau bản cập nhật năm 2014) và 4 (trước bản cập nhật năm 2014).

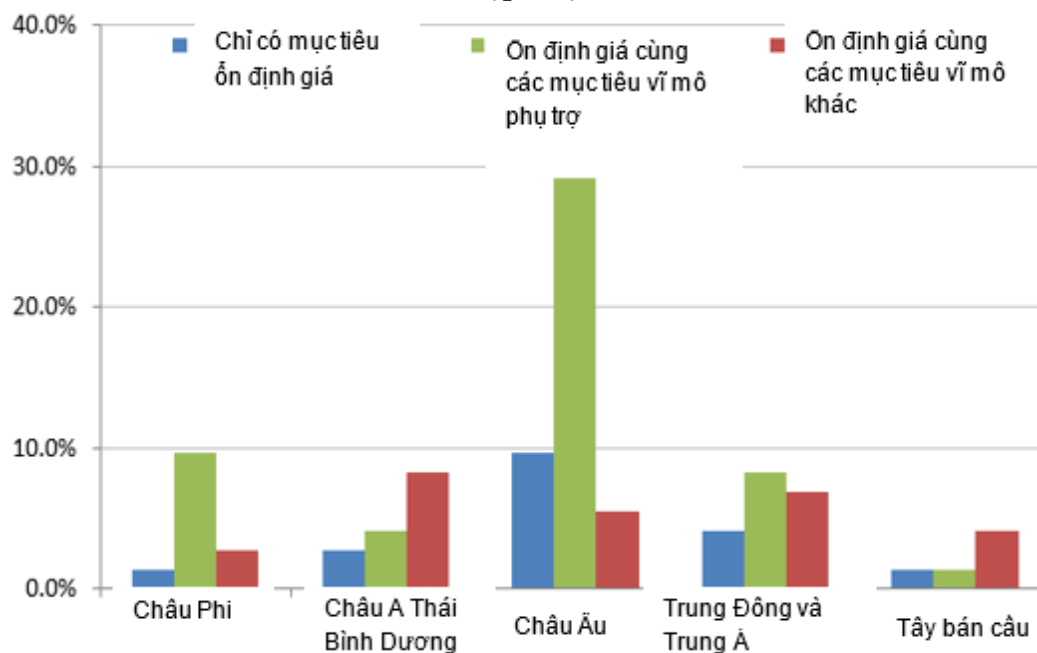
Trong số các quốc gia được đưa vào bản cập nhật trước năm 2012, chỉ có 3 quốc gia đã thay đổi các mục tiêu của họ về các khía cạnh liên quan đến ổn định giá. Cộng hòa Séc²⁴ và Singapore hiện đã đặt ra mục tiêu ổn định giá cả cùng với các mục tiêu vĩ mô khác (trước đây họ chỉ xác định ổn định giá là mục tiêu duy nhất). Luật của Georgia giờ đây đề cập rõ ràng đến mục tiêu ổn định giá, trong khi Luật cũ không đề cập tới.

²² Phần này được dựa trên nghiên cứu của bà Karen Lee thuộc Vụ tiền tệ và thị trường vốn của IMF.

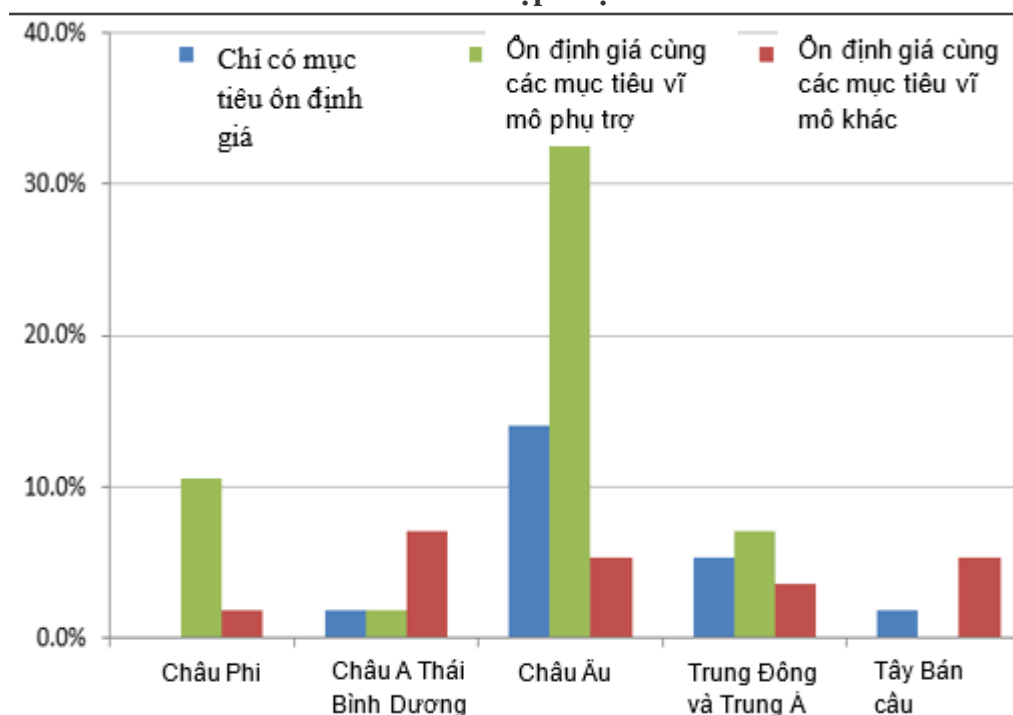
²³ Các văn bản pháp luật của NHTW đã được rà soát đối với cụm từ "ổn định giá" (price stability). Các cụm từ khác có nghĩa tương đồng như "sự ổn định về giá", "sự ổn định của giá cả" "Giá ổn định" (như trường hợp của Hoa Kỳ) cũng được rà soát.

²⁴ Lưu ý rằng đối với Mục này, mỗi quốc gia trong liên minh Châu Âu đều được tính riêng rẽ, cũng như toàn bộ liên minh Châu Âu cũng được tính. Điều này là bởi cách diễn đạt trong các văn bản của liên minh Châu Âu về ổn định giá không nhất thiết giống với các quy định pháp lý của các quốc gia thành viên.

Đồ thị 1. Các mục tiêu trong đó có “Ổn định giá” (theo vùng) sau bản cập nhật năm 2014

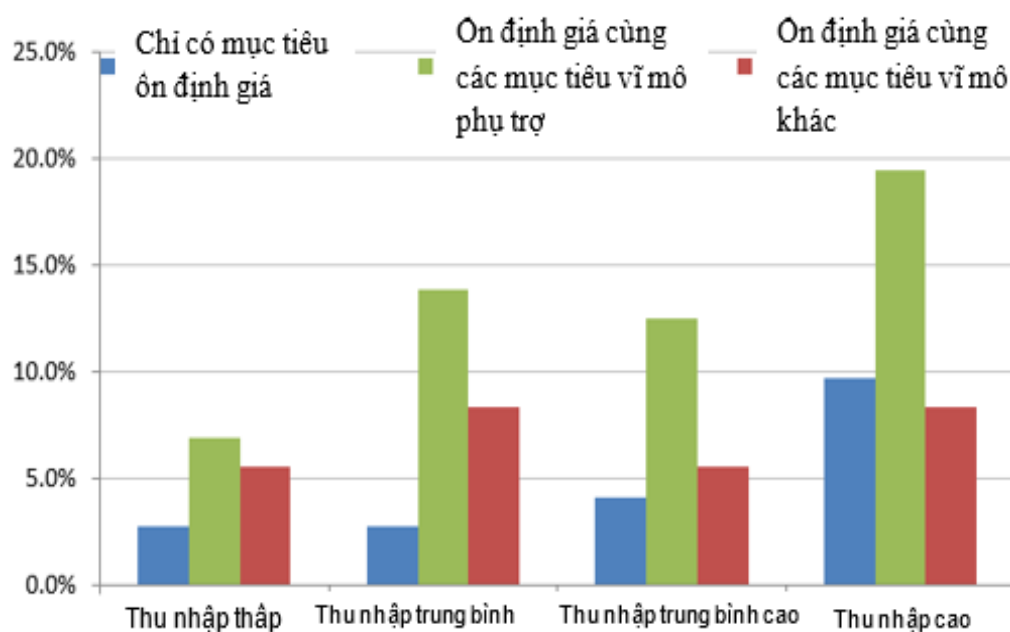


Đồ thị 2. Các mục tiêu trong đó có “Ổn định giá” (theo vùng) trước bản cập nhật năm 2014

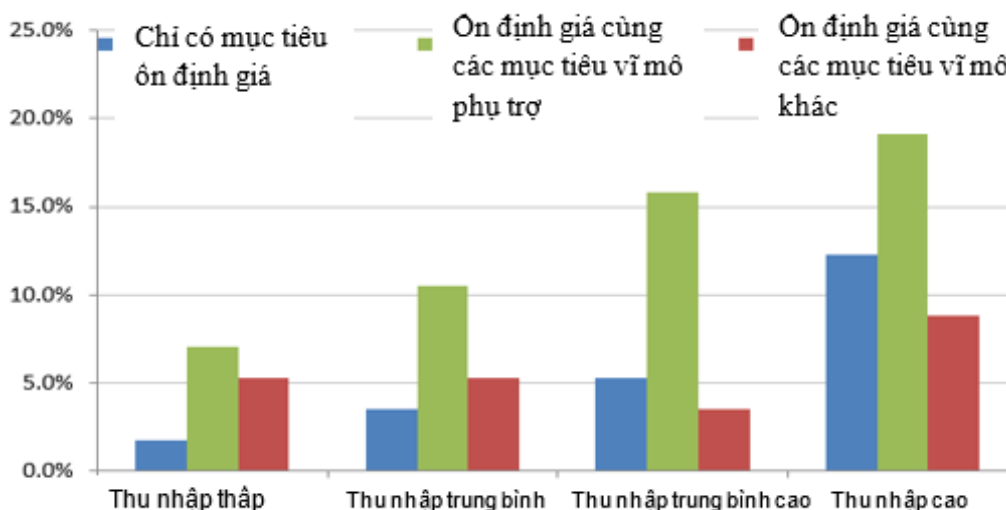


Nguồn: CBLD, IMF

Đồ thị 3. Các mục tiêu trong đó có “Ổn định giá” (theo thu nhập) sau bản cập nhật năm 2014



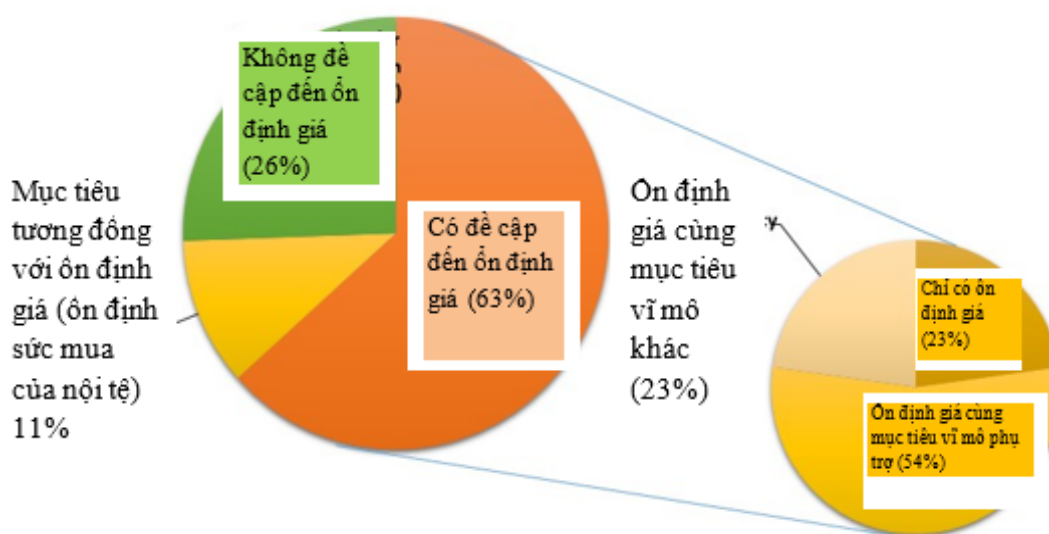
Đồ thị 4. Các mục tiêu trong đó có “Ổn định giá” (theo thu nhập) trước bản cập nhật năm 2014



Nguồn: CBLD, IMF

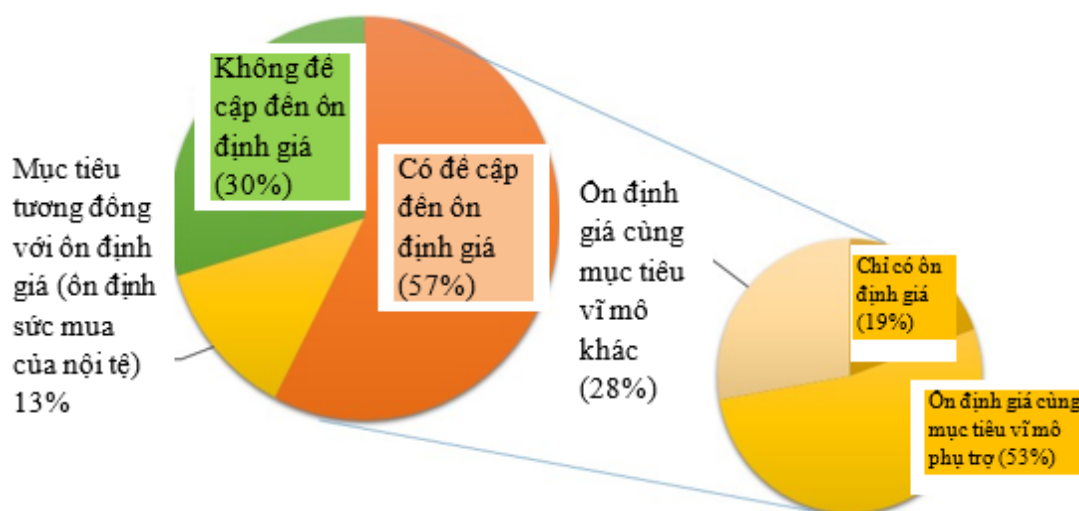
Khi đánh giá tổng thể về mức độ tham chiếu đến vấn đề ổn định giá như một mục tiêu của NHTW, có thể thấy không có sự khác biệt đáng kể giữa trước và sau bản cập nhật 2014 của CBLD. Hình 5 (trước bản cập nhật năm 2014) và 6 (sau bản cập nhật năm 2014) dưới đây cho thấy điều này. Trước đây, hơn một nửa (hiện nay là 57%) các NHTW có mục tiêu (xem hình 6) bao gồm ổn định giá cả. Trong đó, 53% có mục tiêu ổn định giá cả kết hợp với các mục tiêu vĩ mô phụ trợ.

Đồ thị 5. Mục tiêu “Ổn định giá” của NHTW trước bản cập nhật năm 2014



Nguồn: CBLD, IMF

Đồ thị 6. Mục tiêu “Ổn định giá” của NHTW sau bản cập nhật năm 2014



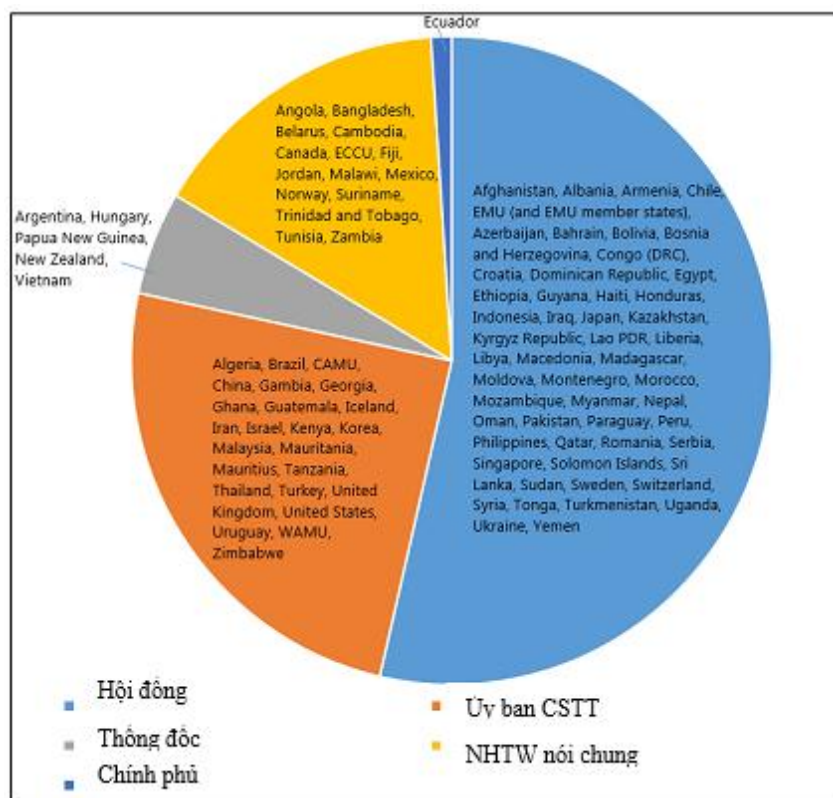
Nguồn: CBLD, IMF

D. Quy trình quyết định CSTT

Chính sách tiền tệ trong hầu hết các trường hợp được xác định bởi các quyết định NHTW hoặc một hội đồng CSTT. CBLD cho phép lọc các văn bản luật NHTW để tìm ra những quy định cụ thể về cách thức đưa ra các quyết định về CSTT. Như hình 7 cho thấy, tại phần lớn các quốc gia, những quyết định về CSTT được đưa ra bởi ban Hội đồng (là cơ quan ra quyết định cao nhất trong NHTW), hoặc bởi Ủy ban Chính sách Tiền tệ (MPC), tách biệt khỏi Hội đồng. Trong hầu hết các trường hợp, MPC bao gồm lãnh đạo cấp cao NHTW (Thống đốc/Chủ tịch, và thường có thêm các Phó Thống đốc), các giám đốc quản lý nội bộ có liên quan và trong một số trường hợp có các chuyên gia bên ngoài và/hoặc đại diện của chính phủ.

Trong các trường hợp khác, Thống đốc NHTW là người đưa ra các quyết định CSTT, hoặc Luật chỉ định NHTW mà không nêu rõ quyết định này được thực hiện như thế nào. 5 quốc gia (Argentina, Hungary, Papua New Guinea, New Zealand và Việt Nam) chỉ rõ trách nhiệm của Thống đốc NHTW trong việc đưa ra các quyết định về CSTT. Trong một số trường hợp khác, Luật chỉ định việc xác định chính sách tiền tệ là trách nhiệm của NHTW, nhưng không quy định trách nhiệm cho một cá nhân cụ thể hoặc một ủy ban cụ thể nào (Angola, Bangladesh, Belarus, Campuchia, ECCU, Fiji, Jordan, Malawi, Mexico, Suriname, Trinidad và Tobago, Tunisia, và Zambia). Ecuador là quốc gia duy nhất trao quyền này cho chính phủ, và điều này phù hợp với việc NHTW là một phần của nhánh hành pháp tại quốc gia đó.

Hình 7. Quy tắc xác định CSTT



Nguồn: CBLD, IMF

II. KẾT LUẬN

Đối với các NHTW và các liên minh tiền tệ, các tổ chức tài chính quốc tế và các nhà hoạch định chính sách nói chung, Luật NHTW là một nguồn thông tin quan trọng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của NHTW. Không chỉ để đánh giá khuôn khổ hiện tại cho các hoạt động của NHTW mà còn để kiểm tra xu hướng và sự phát triển của NHTW theo thời gian. Cơ sở dữ liệu các văn bản pháp luật NHTW của IMF là một nguồn thông tin quan trọng cho các thông tin về luật pháp, trong đó bao gồm hầu hết các nước thành viên của IMF. Vì vậy CBLD có thể tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu và phân tích các chủ đề liên quan đến NHTW.

Như một minh họa cho nội dung của CLBD và tiềm năng sử dụng trong công tác nghiên cứu sâu về các khuôn khổ pháp lý của NHTW, bài viết này đã đánh giá mẫu một số quốc gia và thảo luận về những thay đổi trong khuôn khổ pháp lý của NHTW những năm gần đây. Khi kiểm tra một mẫu đa dạng gồm 15 quốc gia về những thay đổi về mặt pháp lý của họ kể từ bản cập nhật trước đó của CBLD, nhóm nghiên cứu đã phát hiện ra một số điểm đáng chú ý. Luật ngân hàng trung ương của một số nước đã trải qua những thay đổi khác nhau, đáng chú ý nhất là: (1) các mục tiêu; (2) quy tắc ra quyết định; (3) trách nhiệm giải trình; và (4) thu thập dữ liệu. Trong nhiều trường hợp, những thay đổi này diễn ra sau các sự kiện khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008. Một số thay đổi này có thể có tác động lớn đến hoạt động và chính sách đối với các ngân hàng trung ương.

Cơ sở dữ liệu lớn và trên phạm vi rộng khắp của CBLD cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc so sánh giữa các quốc gia trong nhiều chủ đề. Báo cáo này đã minh họa bằng một cuộc khảo sát về mức độ tham chiếu của các văn bản pháp luật tới một số vấn đề mà các NHTW đang phải đối mặt: định nghĩa về ổn định tài chính, tính độc lập của NHTW, vị trí của ổn định giá trong mục tiêu của NHTW, và thể chế cho việc đưa ra các quyết định về chính sách tiền tệ.

[Trở lại trang đầu](#)

HỘI THẢO KHOA HỌC THÁNG 06-2017**1. Hội thảo quốc tế "Big Data và ứng dụng trong ngành tài chính ngân hàng"**

Thời gian tổ chức: Ngày 15/06/2017

Đơn vị thực hiện: Học viện Ngân hàng

Nội dung hội thảo:

Ngày 15/6/2017, Học viện Ngân hàng đã tổ chức hội thảo "Big Data và ứng dụng trong ngành tài chính ngân hàng" với mục tiêu bàn luận về những đóng góp to lớn của Big Data đối với ngành và các doanh nghiệp công nghệ, giúp doanh nghiệp quản trị và tận dụng được dữ liệu - tài sản lớn nhất của mình trong thời đại công nghệ số như hiện nay - đặc biệt trong các vấn đề về kiến trúc doanh nghiệp, chiến lược kinh doanh, quan hệ khách hàng, quản trị rủi ro, quản trị hiệu suất....

Tham dự Hội thảo có PGS.TS. Nguyễn Kim Anh - Phó Thống đốc NHNN, Chủ tịch Hội đồng khoa học và công nghệ ngành Ngân hàng; TS. Bùi Tín Nghị - Giám đốc Học viện Ngân hàng cùng các chuyên gia, các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế, các nhà khoa học.

Phát biểu tại buổi hội thảo, PGS.TS Nguyễn Kim Anh, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cho biết: Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tác động tới mỗi quốc gia, mỗi tổ chức. Dữ liệu số như một nguồn tài nguyên mới, xử lý dữ liệu tốt sẽ giúp tăng sức cạnh tranh. Ưu điểm nổi bật của Big Data là lượng dữ liệu lớn, giúp truy xuất, xử lý thông tin tức thời, giúp thay đổi dữ liệu thường xuyên, nhanh chóng.

Theo đó, PGS.TS Nguyễn Kim Anh khẳng định: Khai thác được nguồn dữ liệu này sẽ mang lại hiệu quả to lớn cho ngành tài chính - ngân hàng. Qua đó ngân hàng có thể phân tích sự hài lòng, hành vi, thói quen của khách hàng, thậm chí cảnh báo, ngăn chặn những hành vi trái phép. Tuy nhiên, theo Phó Thống đốc NHNN, để triển khai được Big Data cần có một đội ngũ chuyên gia đi kèm. Đội ngũ này cần chuyên môn cả về tài chính và công nghệ. Vì thế tiến tới Việt Nam muốn phát triển nguồn dữ liệu lớn thì cần phát triển cả đội ngũ này và chia sẻ những bài học thực tiễn của các nước trên thế giới.

Trong bối cảnh khối lượng dữ liệu và các nguồn thông tin đang gia tăng với tốc độ nhanh chóng trong các hoạt động kinh tế, việc ứng dụng công nghệ Big Data đang dần trở nên cấp thiết và phổ biến hơn bao giờ hết.

Theo 1 báo cáo của IBM và Đại học Oxford năm 2012, 71% các ngân hàng cũng như các định chế tài chính đã ứng dụng công nghệ Big Data trong công tác phân tích xử lý dữ liệu, tăng 93% so với số liệu năm 2010, trong khi mức trung bình tại các ngành khác chỉ là 63%. Điều này cho thấy ngành tài chính ngân hàng hoàn toàn có thể đạt được những bước tăng trưởng nhảy vọt với sự hỗ trợ của công nghệ Big Data.

Ông Wittaya Warunchaichana, Quản lý kinh doanh Big Data và Isalon Dell EMV cho biết: Big Data giúp các ngân hàng tiết kiệm nhiều chi phí hơn khi hệ thống hóa được toàn bộ tư liệu trong một nguồn. Khi được cập nhật, dữ liệu lớn sẽ đóng góp rất lớn cho hoạt động kinh doanh, chiến lược về dịch vụ của một ngân hàng, giúp ngân hàng có thể "nắm chân" được khách hàng,

hiều rõ hơn về họ để nâng cao chất lượng dịch vụ, hiệu quả kinh doanh.

TS. Phan Thanh Đức, Học viện Ngân hàng, chia sẻ: "Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 là xu thế lớn có tác động đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng Việt Nam. Trong đó, Big Data đóng vai trò nền tảng cho việc thu thập, xử lý và khai thác dữ liệu, tạo ra điểm khác biệt cũng như lợi thế cạnh tranh cho các ngân hàng và công ty tài chính - những tổ chức đang sở hữu khối lượng dữ liệu khổng lồ". Tuy nhiên, để các dữ liệu này trở thành những tài sản thực sự, các doanh nghiệp cần có "tư duy tổ chức, phân tích dữ liệu" và "văn hoá quản trị dữ liệu". Bên cạnh đó, để có thể ứng dụng và phát huy được hiệu quả Big Data trong hoạt động quản trị và kinh doanh, các doanh nghiệp cần phải chú trọng xây dựng được đội ngũ nhân sự chất lượng cao về khoa học dữ liệu, đủ trình độ làm chủ công nghệ.

Theo phân tích của ông Phạm Anh Tuấn, Thành viên HĐQT Vietcombank thì dữ liệu là tài sản vô cùng quý giá của ngân hàng. Vì vậy, ngân hàng cần quan tâm đảm bảo chất lượng dữ liệu và an toàn thông tin. Bảo vệ thông tin trở thành một yêu cầu không thể thiếu trong mọi hoạt động nói chung và hoạt động điện tử nói riêng.

Cụ thể, cơ sở dữ liệu ngân hàng bao gồm hệ thống xử lý giao dịch, hệ thống quản lý, hệ thống camera, hệ thống ATM, hệ thống giám sát hạ tầng CNTT bên trong nội bộ ngân hàng và dữ liệu đến từ bên ngoài gồm: tổ chức thông tin tín dụng, NHNN, cơ quan thuế, cục thống kê, bảo hiểm; mạng xã hội; log các giao dịch trực tuyến qua mạng; hệ thống lưu trữ liệu ngành, quốc gia...

Dữ liệu có giá trị như một cơ sở tin cậy để ra quyết định; cung cấp câu trả lời nhanh, chính xác cho các câu hỏi kinh doanh; truy cập thông tin nhanh chóng, dễ dàng; hiểu biết sâu sắc về hành vi của khách hàng; bán chéo sản phẩm, dịch vụ ngân hàng hiệu quả; tạo ra tri thức mới.

Dữ liệu đóng vai trò tinh giản, cải tiến nâng cao hiệu suất hoạt động; hiểu biết sâu hơn về hoạt động kinh doanh; hiểu chi phí và các nhân tố ảnh hưởng các chi phí; tối đa hoá lợi nhuận; bức tranh tổng thể cho cả quá trình hoạt động của ngân hàng qua các năm.

Tại Hội thảo, các đại biểu đã tập trung thảo luận về công nghệ Big Data từ góc nhìn khác nhau, những công nghệ kỹ thuật mới nhất, cách thức để ngân hàng và các tổ chức tài chính có thể tận dụng một cách tối đa hoá việc ứng dụng Big Data cũng như các thành tựu khoa học dữ liệu vào hệ thống thông tin. Từ đó nhận diện đầy đủ các cơ hội cũng như thách thức để Big Data đóng góp tích cực vào việc nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả của hoạt động tài chính, ngân hàng.

Theo hvnh.edu.vn.

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

2. Tọa đàm “Xây dựng hệ thống thông tin ngoại hối và các chỉ số giám sát thị trường ngoại hối và thanh khoản ngoại tệ: Kinh nghiệm và khuyến nghị của Hàn Quốc”

Thời gian tổ chức: Ngày 21/06/2017

Đơn vị thực hiện: Ngân hàng Nhà nước Việt nam và Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc

Nội dung hội thảo:

Ngày 21/6/2017, tại trụ sở Ngân hàng Nhà nước Việt nam (NHNN), NHNN và Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BOK) đã tổ chức buổi Tọa đàm Chương trình đối tác chia sẻ kiến thức về chủ đề “Xây dựng hệ thống thông tin ngoại hối và các chỉ số giám sát thị trường ngoại hối và thanh khoản ngoại tệ: Kinh nghiệm và khuyến nghị của Hàn Quốc”.

Tham dự buổi Tọa đàm có đại diện các đơn vị thuộc NHNN: Vụ Hợp tác Quốc tế, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Dự báo thống kê, Vụ Quản lý ngoại hối; Về phía Hàn Quốc có các chuyên gia của BOK, Học viện Chính sách quốc tế Hàn Quốc.

Phát biểu khai mạc buổi Tọa đàm, bà Hoàng Thị Phương Hạnh - Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế NHNN nhiệt liệt chào mừng đoàn công tác BOK sang thăm và làm việc với NHNN do ông Jaemo Lee – Phó Vụ trưởng phụ trách, BOK làm Trưởng đoàn. Bà Hoàng Thị Phương Hạnh cho biết, thực hiện chương trình “Đối tác chia sẻ kiến thức” (KPP) giữa NHNN và BOK năm 2017, buổi tọa đàm được tổ chức với chủ đề “Xây dựng hệ thống thông tin ngoại hối và các chỉ số giám sát thị trường ngoại hối và thanh khoản ngoại tệ: Kinh nghiệm và khuyến nghị của Hàn Quốc”. Vừa qua, các đơn vị NHNN và nhóm nghiên cứu KPP đã có buổi trao đổi kỹ thuật về nhu cầu cụ thể của NHNN.

Các chuyên gia đến từ Hàn Quốc và NHNN đã trình bày và trao đổi với các đại biểu về các nội dung liên quan đến xây dựng hệ thống thông tin ngoại hối và các chỉ số giám sát thị trường ngoại hối và thanh khoản ngoại tệ. Đồng thời thảo luận trực tiếp với các đơn vị thụ hưởng và nội dung tư vấn hỗ trợ theo chủ đề đã thống nhất.

Theo sbv.gov.vn.

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

3. Ban Kinh tế Trung ương tổ chức Diễn đàn Kinh tế Việt Nam 2017

Thời gian tổ chức: Ngày 27/06/2017

Đơn vị thực hiện: Ban Kinh tế Trung ương

Nội dung hội thảo:

Ngày 27-6-2017, tại Hà Nội, Ban Kinh tế Trung ương phối hợp tổ chức “Diễn đàn Kinh tế Việt Nam 2017”. Chủ trì Hội thảo có các đồng chí: Nguyễn Văn Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương; Phùng Quốc Hiển, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội.

Ngày 27-6-2017, tại Hà Nội, Ban Kinh tế Trung ương phối hợp tổ chức Diễn đàn Kinh tế Việt Nam 2017. Chủ trì Hội thảo có các đồng chí: Nguyễn Văn Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương; Phùng Quốc Hiển, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội; Nguyễn Xuân Cường, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; Cao Đức Phát, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Kinh tế Trung ương; Ngô Đông Hải, Ủy viên Dự khuyết Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương. Về phía các đại biểu nước ngoài có ông Craig

Chittick, Đại sứ Australia tại Việt Nam và một số học giả đến từ Ngân hàng thế giới, Đại học Havard, Eurocharm...; Cùng tham dự còn có Lãnh đạo, đại diện các vụ, đơn vị Ban Kinh tế Trung ương; đại diện Lãnh đạo các Bộ, ban, ngành, các chuyên gia, nhà khoa học, các cơ quan báo chí.

Phát biểu khai mạc, đồng chí Nguyễn Văn Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng nhấn mạnh, Việt Nam đã vượt qua mức GDP bình quân đầu người 1000 USD, những vẫn đối mặt với nhiều khó khăn thách thức. Việt Nam xuất khẩu 65% là hàng chế tạo chế biến nhưng phần nhiều là từ khu vực FDI, còn doanh nghiệp trong nước vẫn chủ yếu xuất khẩu các mặt hàng như dệt may, da giày, nông sản với giá trị gia tăng không cao. Tức là, một phần quan trọng góp phần tạo nên tốc độ tăng trưởng hiện nay của Việt Nam là từ nguồn lực bên ngoài chứ chưa phải nội lực thực tại của nền kinh tế. Do vậy, việc chúng ta cần làm và làm ngay là đánh giá lại mức độ bền vững của những lợi thế so sánh mà chúng ta vẫn thường nhắc tới là nhân công lao động dồi dào, giá rẻ trong bối cảnh giai đoạn dân số vàng chỉ tồn tại ngắn ngủi khoảng 10 năm nữa và sự cạnh tranh ngày một gia tăng từ các quốc gia với chi phí sản xuất thấp hơn.

Đồng chí nêu câu hỏi: Vậy lựa chọn của Việt Nam là gì? Chúng ta cần làm gì để giải quyết bài toán phát triển kinh tế nhanh và bền vững trong trung và dài hạn, giúp Việt Nam trở thành nước tiếp theo thành công vượt bẫy thu nhập trung bình và để sớm đưa Việt Nam trở thành "một con hổ mới" của kinh tế châu Á.

Đồng chí Nguyễn Văn Bình đánh giá cao tầm quan trọng của Diễn đàn. Coi đây là cơ hội để trao đổi cởi mở, khách quan và đưa ra những đánh giá thẳng thắn, toàn diện về tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam 6 tháng đầu năm; nhận diện những thuận lợi, khó khăn sẽ phải đối mặt trong 6 tháng cuối năm 2017 và định hướng cho cả năm 2018.

Đồng chí tin tưởng Diễn đàn lần này sẽ có được những ý tưởng mới, ý tưởng lớn, ý tưởng thực sự đột phá cho kinh tế Việt Nam. Qua đó, Diễn đàn sẽ trở thành một thương hiệu, một địa chỉ thường xuyên và tin cậy cho những người làm làm chính sách, các nhà chuyên môn, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp không chỉ trong nước mà cả các doanh nghiệp nước ngoài đã đang và sẽ đầu tư tại Việt Nam.

Phát biểu tại Diễn đàn, đại sứ Úc Craig Chittick cho rằng, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, xây dựng chính phủ kiến tạo, trong đó Ban Kinh tế Trung ương đóng một vai trò quan trọng trong quá trình này. Đại sứ khẳng định, Việt Nam không đơn độc, Úc và nhiều nước khác sẽ hỗ trợ Việt Nam giải quyết các vấn đề của nền kinh tế. Úc sẽ tiếp tục song hành của Việt Nam trong nhiều năm tới. Đại sứ nhấn mạnh, Úc chia sẻ với Việt Nam kinh nghiệm và kiến thức trong quản lý kinh tế, cũng như kinh nghiệm về nông nghiệp công nghệ cao. Đại sứ mong muốn tiếp tục hợp tác với Việt Nam trong nhiều năm tới và hy vọng Việt Nam sẽ đạt được những thành công mới.

Phát biểu tham luận, đồng chí Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Đặng Huy Đông cho rằng, Chính phủ đã có nhiều hành động quyết liệt vào cuộc để phát triển kinh tế, không tăng trưởng bằng mọi giá, không lãng phí cơ hội tiềm năng phát triển, không dựa vào một vài dự án, một vài doanh nghiệp lớn.

Đồng chí cho rằng, mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2017 là hoàn toàn đúng đắn và hợp lý nhưng thực hiện không đơn giản. Cần quyết liệt trong thực hiện mục tiêu, cần duy trì phấn đấu của các ngành các cấp, thường xuyên theo dõi chặt chẽ tình hình biến động của thể giới, thực hiện bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Phiên thảo luận thứ nhất với chủ đề "Kinh tế vĩ mô 6 tháng đầu năm và triển vọng cả năm 2017" đã thu hút được nhiều ý kiến đóng góp quan trọng và nhiều khuyến nghị cho nền kinh tế Việt Nam. Đặc biệt, ông Sabastian Eckardt, Chuyên gia kinh tế trưởng của Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam cho rằng, tăng trưởng tín dụng nhanh chóng sẽ gây ra rủi ro về tín dụng tài sản và đây là vấn đề của Việt Nam.

Ông nhấn mạnh về chất lượng tài sản của ngân hàng tại Việt Nam, do đó cần có sự thay đổi về khung pháp lý, có sự quan tâm của Ngân hàng Nhà nước để giải quyết tồn đọng. Ông nhấn mạnh, Việt Nam có mức tăng trưởng hàng hóa lớn so với mức trung bình toàn cầu. Việt Nam cần xem xét nhiều vấn đề như ngân sách giảm, thuế thu nhập doanh nghiệp, giảm thuế quan... trong kế hoạch 5 năm tới. Việt Nam cần giảm thâm hụt này 3% tới năm 2020.

Trong phiên thảo luận thứ hai về chủ đề bẫy thu nhập trung bình, Giáo sư Jay Rosengard thuộc Đại học Havard, Hoa Kỳ đã trình bày nghiên cứu của mình về vấn đề đang dành được nhiều sự chú ý. Trong trình bày của mình, Giáo sư Jay Rosengard đã đưa ra nhiều vấn đề về bẫy thu nhập trung bình và các khuyến nghị cho Việt Nam. GS đã so sánh về thu nhập của các nước ở Châu Á, qua đó trả lời câu hỏi: Việt Nam có giàu có trước khi dân số trở nên già hóa. Bài trình bày đã đưa ra những mục tiêu mà Việt Nam cần phải làm thì mới có thể trở thành nền kinh tế hàng đầu Châu Á.

Phát biểu kết luận, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương Nguyễn Văn Bình cảm ơn các đại biểu đã có những phát biểu góp ý, trao đổi, thảo luận rất thẳng thắn, thiện chí, thiết thực và mang tính xây dựng cao những nội dung cơ bản, trọng tâm về tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam. Ở nội dung trao đổi đầu tiên, những ý kiến tham luận đã cho thấy bức tranh toàn cảnh về Việt Nam và những gợi ý chính sách để đảm bảo tăng trưởng kinh tế đạt mục tiêu 6,7% và phát triển bền vững. Để duy trì và thúc đẩy hơn nữa những thành công trên các chuyên gia đã khuyến nghị cần có chính sách rõ ràng, cởi mở trong dài hạn, trong đó cần chú trọng tập trung phát triển giáo dục - đào tạo, phát triển trình độ nguồn nhân lực...

Ở nội dung thứ hai, các chuyên gia đã chỉ ra những điểm nghẽn mang tính trung - dài hạn và những thách thức, rủi ro của bẫy thu nhập trung bình, đồng chí Nguyễn Văn Bình cho rằng: Chúng ta đánh giá được thực trạng kinh tế Việt Nam hiện nay để thấy những điểm nghẽn cản trở phát triển nhanh và bền vững của Việt Nam. Nếu ko vượt qua được những điểm nghẽn đó thì mục tiêu sớm thoát khỏi các nước có thu nhập trung bình là rất khó thực hiện. Vì vậy, theo đồng chí cần phải đẩy mạnh cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế, hoàn thiện hơn nữa môi trường khởi nghiệp và thúc đẩy hơn nữa khả năng phát triển thị trường vốn để tiếp tục đà tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô.

Thay mặt Ban Tổ chức, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương Nguyễn Văn Bình đánh giá cao những "hiển kế" thực sự ý nghĩa và sâu sắc của các đại biểu tham dự Diễn đàn liên quan tới vấn

đề thắt chặt thâm hụt ngân sách và hiệu quả của đầu tư công, phát triển thị trường chứng khoán và tiền tệ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, thu hút đầu tư nước ngoài và cải thiện môi trường kinh doanh để khuyến khích hệ sinh thái khởi nghiệp... Đồng chí nhấn mạnh, với tinh thần cầu thị cao nhất, tất cả các kiến nghị của Diễn đàn sẽ được tiếp thu, tổng hợp, chất lọc, hệ thống hóa để gửi đến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng và Nhà nước Việt Nam, để từ đó có những cơ chế, chính sách phù hợp trong thời gian tới.

Theo <https://kinhtrungong.vn>.

[Tổng thuật hội thảo](#)

[Trở lại trang đầu](#)

ẤN PHẨM KHOA HỌC THÁNG 06-2017

1. Ấn phẩm: “Toàn cầu hóa và những mặt trái”

Nguồn: NXB Trẻ

Tác giả: Joseph E. Stiglitz

Người dịch: Nguyễn Ngọc Toàn

Giới thiệu ấn phẩm:

Joseph E. Stiglitz, tác giả cuốn sách, một nhà kinh tế của thời hiện đại, đoạt giải Nobel kinh tế năm 2001, đã phát triển một nhánh kinh tế học mà sau này gọi là kinh tế học thông tin. Ông cũng có nhiều công trình nghiên cứu về các chủ đề kinh tế ứng dụng, bao gồm kinh tế học khu vực công, kinh tế phát triển và chính sách tiền tệ.

Trong cuốn sách của mình, Stiglitz đã kịch liệt lên án những tổ chức "có vai trò, trọng trách to lớn trong quá trình toàn cầu hóa" như IMF (Quỹ tiền tệ quốc tế), WB (Ngân hàng thế giới), WTO (Tổ chức thương mại thế giới), đặc biệt là IMF. Stiglitz phân tích những động thái "sai lầm và tàn nhẫn" của WB, IMF để rồi rút ra những kết luận chán nản như: hoạt động của các tổ chức ngày càng chồng chéo và phụ thuộc lẫn nhau. Những phân tích sắc sảo của Stiglitz về những xu hướng tất yếu: Tự nhân hóa, Tự do hóa...v.v... cùng những thách thức của quá trình này cũng là cảnh báo mà những nước đang phát triển phải chú ý (đặc biệt là về khả năng độc lập trong hoạch định chính sách, giảm thiểu việc phụ thuộc thái quá vào các tổ chức quốc tế để rồi buộc chân mình vào những điều khoản bất lợi).

Ông vẫn tin rằng toàn cầu hóa có thể là một sức mạnh thúc đẩy nâng cao mức sống của mọi người trên thế giới, đặc biệt là người nghèo, nhưng ông cũng cho rằng để được như thế thì cách thức tiến hành toàn cầu hóa như hiện nay “cần phải được suy xét lại một cách triệt để”. Bởi vì cách thức hiện nay thường chỉ phù hợp với lợi ích của các nước đã phát triển và các tầng lớp có quyền lực, khiến cho hố ngăn cách giàu nghèo ngày càng rộng trên phạm vi toàn cầu.

Không những thế, toàn cầu hóa cũng đã không thành công trong việc bảo đảm sự ổn định. Chính sách đòi hỏi các nước phải tự do hóa thị trường tài chính, nới lỏng việc kiểm soát chuyển vốn - tác giả khẳng định - “chỉ tạo ra sự phá hoại”. Những dòng tiền chạy ra khỏi các nước một cách đột ngột sẽ để lại sau lưng nó sự sụp đổ của hệ thống tỷ giá, và sự suy sụp của cả hệ thống ngân hàng. Khủng hoảng tài chính trở thành một hiểm họa luôn đe dọa các nền kinh tế mới nổi lên.

Stiglitz đề nghị cụ thể về thay đổi cơ cấu quản trị và tính minh bạch ở các tổ chức quốc tế, cải cách IMF và hệ thống tài chính toàn cầu, cải cách WB và viện trợ phát triển, cải cách WTO và cân bằng lịch trình thương mại, nhằm “tiến tới toàn cầu hóa giàu tính nhân văn”.

Cuốn sách này được viết dựa trên chính những kinh nghiệm của tác giả. Không có nhiều chú thích và trích dẫn như thường thấy trong các báo cáo khoa học. Thay vào đó, tác giả cố gắng mô tả các sự kiện mà tác giả đã chứng kiến và kể lại vài trong số những câu chuyện mà tác giả đã nghe. Không có sùng bái ở đây. Bạn sẽ không tìm thấy những chứng cứ thuyết phục nào về âm mưu bản thủ của phố Wall và IMF nhằm chiếm đoạt thế giới. Tác giả không tin là cái âm mưu

đó tồn tại. Sự thật tinh vi hơn thế nhiều. Thường là một tiếng nói của ai đó, hay một cuộc họp kín sau cánh cửa, hay một memo quyết định kết quả của các cuộc thảo luận. Rất nhiều người trong số người tác giả chỉ trích sẽ nói là tác giả sai. Thậm chí họ có thể tạo ra các bằng chứng chống lại quan điểm của tác giả về những điều đã xảy ra. Tác giả chỉ có thể đưa ra những lý giải về cái tác giả đã thấy.

Khi tác giả vào Ngân hàng Thế giới, tác giả đã định dành phần lớn thời gian cho vấn đề phát triển và vấn đề của các nước đang cố gắng thực hiện quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường. Nhưng cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu và những tranh luận về cải cách cấu trúc tài chính quốc tế - hệ thống quản lý các hoạt động tài chính và kinh tế quốc tế - nhằm làm cho toàn cầu hóa mang tính người hơn, hiệu quả và công bằng hơn đã chiếm phần lớn thời gian của tác giả. Tác giả đã công hàng chục nước khắp thế giới, nói chuyện với hàng nghìn quan chức chính phủ, bộ trưởng tài chính, thống đốc ngân hàng trung ương, giới học giả, những nhà phát triển, thành viên các tổ chức phi chính phủ, các nhà ngân hàng, nhà kinh doanh, sinh viên, các nhà hoạt động chính trị và nông dân. Tác giả đã gặp các du kích Hồi giáo ở Mindanao (hòn đảo của Phillipine đã từ lâu trong trạng thái nổi loạn), đi dọc dãy Himalaya để thấy những ngôi trường ở vùng sâu Butan hay những dự án thủy lợi trong những ngôi làng ở Nepal, đã thấy ảnh hưởng của các chương trình tín dụng nông thôn và các chương trình cho phụ nữ ở Bangladesh và đã chứng kiến tác động của các chương trình xóa đói giảm nghèo ở những ngôi làng trong những vùng núi nghèo nhất Trung Quốc. Tác giả thấy lịch sử đang được viết và tác giả đã học được rất nhiều. Tác giả cố gắng chất lọc những gì tinh túy nhất trong những điều tác giả đã thấy và đã học được và thể hiện chúng trong cuốn sách này.

Tác giả hy vọng cuốn sách của tác giả sẽ mở ra một cuộc tranh luận, một cuộc tranh luận đáng lẽ nên diễn ra không chỉ sau những cánh cửa đóng kín của chính phủ và tổ chức quốc tế, hoặc ngay cả trong không khí cởi mở của trường đại học. Những người mà cuộc sống của họ bị ảnh hưởng bởi các quyết định về cách thức tiến hành toàn cầu hóa có quyền tham gia vào cuộc tranh luận và họ có quyền biết các quyết định đó đã được đưa ra như thế nào trong quá khứ. Ít nhất, cuốn sách này phải cung cấp thêm thông tin về những sự kiện xảy ra trong thập kỷ vừa qua. Thêm thông tin chắc chắn sẽ giúp đưa ra các quyết định tốt hơn và các quyết định này sẽ dẫn đến các kết quả tốt hơn. Nếu điều đó xảy ra, tác giả cảm thấy là tác giả đã đóng góp được gì đó.

Nội dung cuốn sách bao gồm 5 phần chính

Chương 1: Lời hứa của các tổ chức toàn cầu

Chương 2: Những lời hứa bị phá bỏ

Chương 3: Quyền tự do lựa chọn

Chương 4: Cuộc khủng hoảng Đông Á

Chương 5: Ai đánh mất nước Nga

Chương 6: Luật lệ thương mại bất công và những thủ đoạn khác

Chương 7: Những con đường tốt hơn đi tới kinh tế thị trường

Chương 8: Lịch trình khác của IMF

Chương 9: Con đường phía trước

Viện Chiến lược Ngân hàng hạn giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này.

[Giới thiệu sách](#)
[Trở lại trang đầu](#)

2. Tư tưởng kinh tế kể từ Keynes

Nguồn: NXB Trí thức

Tác giả: Michel Beaud, Gilles Dostaler

Dịch giả: Nguyễn Đôn Phước

Giới thiệu ấn phẩm:

Sách này giới thiệu tư tưởng kinh tế kể từ khi tác phẩm Lí thuyết tổng quát của Keynes được xuất bản. Sách hướng dẫn đến những ai muốn tự định hướng trong mê cung của tư tưởng kinh tế đương đại. Đặc biệt sách nhắm đến sinh viên, giảng viên kinh tế và giảng viên các khoa học xã hội. Và cả những nhà kinh tế chuyên sâu vốn thường quen thuộc với những tác giả và những cuộc tranh luận trong chuyên ngành của mình sẽ tìm thấy ở đây một công cụ làm việc và tham khảo cho những lĩnh vực nghiên cứu khác.

Quyển sách này nhằm trình bày toàn bộ những chuyển động đã để lại dấu ấn trong tiến trình tư tưởng kinh tế kể từ cuộc cách mạng keynesian. Chủ yếu tập trung vào nội dung trung tâm của khoa học kinh tế đương đại, và do đó tập trung vào những phân tích, chủ đề và tranh luận cơ bản, sách này nhằm trình bày một cách tổng quát và có hệ thống những điểm cốt lõi hướng đến ba mục tiêu: làm cho số đông công chúng dễ nắm bắt bộ môn, cung cấp cho các chuyên gia một số thông tin được kiểm tra chặt chẽ, và khai thông vài hướng kiến giải.

Tóm lại, để trình bày tiến hóa của tư tưởng kinh tế đương đại, điều cần thiết là phải phối cảnh song song tiến hóa của tư tưởng này với những cuộc tranh luận giữa các trào lưu và phần trình bày của tác giả, với những đặc điểm và hành trình tư tưởng của họ. Chính vì thế bạn đọc sẽ tìm thấy trong quyển sách này:

- Trước hết là một phác thảo diễn tiến của lịch sử tư tưởng kinh tế qua đó trình bày - bằng cách tránh những đơn giản hóa - những bước tiến và những bước ngoặt có ý nghĩa, những trường phái, trào lưu và tranh luận trong sự chuyển động chung này; những tác giả có một vài trò chủ yếu hay có ý nghĩa được nêu bật;

- Tiếp đây là một từ điển tác giả: một trăm bốn mươi lăm tác giả được nghiên cứu; cho mỗi tác giả lần lượt được trình bày đôi nét về tiểu sử, một thư mục những công trình chính được công bố, một phần phân tích những đóng góp của tác giả vào tư tưởng kinh tế và cuối cùng là những công trình có chọn lọc được viết về tác giả;

- Cuối cùng, sau một thư mục tổng quát, là một bảng tra cứu cho phép tìm nhanh tất cả các tác giả được nêu tên (những tác giả trong từ điển và cả những tác giả không có mặt trong từ điển nhưng được nêu trong phần trình bày lịch sử cũng như những tác giả của những sách và bài viết được trích dẫn).

Michel Beaud và Gilles Dostaler chọn năm 1936, năm xuất bản tác phẩm chính của Keynes

- Lí thuyết tổng quát về việc làm, tiền lãi và tiền tệ làm khởi điểm cho một phác họa toàn cảnh

diễn tiến sôi động của tư tưởng kinh tế đến cuối thế kỉ qua, một lịch sử "đầy áp âm thanh và cuồng nộ".

Sự kiện người cầm chịch chính sách tiền tệ Mỹ trong gần hai mươi năm liên tục mà mỗi một tuyên bố khiến thị trường phải chờ đón từng lời, hai năm trước mới rời khỏi chức vụ trong hào quang của một bậc thầy (maestro), nay buộc phải nhận một phần trách nhiệm để nổ ra cuộc khủng hoảng chưa biết sẽ đưa thế giới về đâu, đủ biện minh cho việc cần phải quan tâm đến tư tưởng kinh tế.

Trong Tư tưởng kinh tế kể từ Keynes, Beaud và Dostaler dành nguyên một chương cho sự hình thành xu hướng tiên đề hóa, hình thức hoá và toán học hoá, được xem như một "đột biến triệt để" mà tầm quan trọng, trong một thời gian dài, bị cuộc "cách mạng keynesian" che khuất.

Trước những biện pháp đối phó khẩn cấp của các chính quyền phương Tây, một sinh viên chỉ còn nhớ tư tưởng kinh tế qua danh tiếng của những nhà lí thuyết nối tiếp nhau trong thời gian có thể cho rằng giờ Keynes phục thù Hayek đã điểm!

Tư tưởng kinh tế kể từ Keynes

"Không hề che giấu sở kiến phương pháp luận và chính kiến của mình, Beaud và Dostaler mang đến cho người đọc một tư duy "phê phán" về kinh tế học, với tính đa nguyên, phức tạp và biện chứng của nó, xa lạ với mọi tư duy "tuân phục" (conformisme), thường giản đơn, phiến diện hay một chiều. Sách của Beaud-Dostaler còn giúp cho người đọc hình dung không khí và văn hoá học thuật trong không gian tự do tư duy của những trường đại học đích thực tự trị ở phương Tây: tranh luận dân chủ và bình đẳng, rõ ràng và quyết liệt, nhưng không bao giờ vắng bóng sự trung thực trí tuệ. Đồng thời người đọc cũng mừng tượng được rằng đằng sau vẻ hàn lâm của các cuộc tranh luận này – đôi khi đầy kịch tính – là những được mất của nhiều phong trào xã hội. Cộng với phần từ điển giới thiệu vắn tắt tiểu sử, sự nghiệp và tư tưởng của 150 nhà kinh tế đương đại và hai phụ lục, bản dịch tiếng Việt do Nguyễn Đôn Phước thực hiện và nhà xuất bản Tri Thức xuất bản, cung cấp một công cụ tra cứu không chỉ quý giá cho người nghiên cứu, giảng dạy và sinh viên đại học, mà còn bổ ích cho tất cả những ai muốn theo dõi những trào lưu tư tưởng kinh tế đương đại" – trích giới thiệu của Trần Hải Hạc.

Tác giả Michel Beaud (Pháp), là giáo sư thạc sĩ kinh tế học tại đại học Paris VII (Jussieu). Chuyên môn nghiên cứu của ông là lịch sử kinh tế, lịch sử tư tưởng, những hệ thống kinh tế, những chính sách kinh tế, kinh tế thế giới, và những thách thức hiện đại về môi trường. Gilles Dostaler, sinh tại Montréal (Canada) năm 1946, là tiến sĩ kinh tế học. Chuyên gia về lịch sử tư tưởng kinh tế, ông đã công bố nhiều công trình về lĩnh vực này, và là giáo sư đại học Québec ở Montréal

Cuốn sách gồm 2 phần chính sau đây

Phần I. Phác thảo một lịch sử tư tưởng kinh tế kể từ lí thuyết tổng quát của Keynes

1. Keynes và lí thuyết tổng quát
2. Cuộc cách mạng keynesian
3. Thắng lợi huy hoàng của chủ nghĩa can thiệp
4. Tiên đề hóa, hình thức hóa, toán học hóa

5. Một số thuyết chính thống mới: Tổng hợp tân cổ điển
 6. Tính thường trực và đổi mới của những học thuyết phi chính thống
 7. Sự trỗi dậy của học thuyết tự do
 8. Những kinh tế học vĩ mô mới
 9. Về tháp Babel và ba cách tiếp cận của tư tưởng kinh tế đương đại
- Phần II. Từ điển những nhà kinh tế đương đại chính
Viện Chiến lược Ngân hàng hân hạn giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này.

[Giới thiệu sách](#)
[Trở lại trang đầu](#)

3. Định giá đầu tư

Nguồn: NXB Trẻ

Tác giả: John P. Calverley

Dịch giả: Nguyễn Thị Thu Hương

Giới thiệu ấn phẩm:

Nguyên nhân chính của thảm họa này là bong bóng nhà đất ở Mỹ, vốn là “hậu duệ” của bong bóng chứng khoán hồi thập niên 1990. Cả hai đều xảy ra do sự mở rộng tín dụng, dẫn đến sự tăng giá của những tài sản có độ rủi ro cao nhất. Cuối cùng là bong bóng trong giá hàng hoá, nhất là giá dầu và thậm chí là giá của các sản phẩm nghệ thuật đương đại. Lịch sử cho thấy bản chất của bất kỳ bong bóng nào, mà nhất là bong bóng nhà đất, là chúng tạo ra một “tâm lý bong bóng”, tức là một niềm tin phổ biến rằng giá cả sẽ không bao giờ đi xuống, và do đó đi vay và cho vay với tài sản thế chấp là nhà đất sẽ là một khoản đầu tư an toàn. Chính niềm tin được thúc đẩy bởi và sau đó lại thúc đẩy bong bóng tín dụng này đã khiến giá nhà đất tăng lên những mức không tưởng. Khi chúng sụp đổ, nền kinh tế và hệ thống tài chính thế giới phải gánh chịu hậu quả.

Kết quả của sự sụp đổ vẫn đang diễn ra. Khi bong bóng vỡ, chúng thường có xu hướng trượt dài về phía dưới, và tôi nghĩ rằng giá nhà sẽ còn thấp trong vài năm, với mức giảm có thể lên tới 30-50% ở một số nước. Kinh tế dường như sẽ suy thoái trầm trọng, thất nghiệp tăng cao. Trong khi đó, kế hoạch nghỉ hưu của nhiều người, dù dựa trên việc đầu tư vào địa ốc hay chứng khoán, cũng bị thiệt hại nặng nề. Như mọi lần, nền kinh tế sẽ phục hồi vào lúc thích hợp, song khi đó có lẽ nhiều thứ sẽ thay đổi. Niềm tin vào ngân hàng và hệ thống tài chính đã suy giảm tan tành. Niềm tin vào chính sách tiền tệ chính thống - chính sách lạm phát mục tiêu, cũng bị xói mòn, khi giảm phát là nguy cơ trước mắt. Người ta đặt câu hỏi cả với cơ chế thị trường tự do, còn với các nhà đầu tư thì niềm tin vào cả chứng khoán và nhà đất đều đang thu nhỏ lại!

Nhà đất không phải là bong bóng đầu tiên bị vỡ. Trong ba mươi năm qua đã có hàng loạt bong bóng với các chu kỳ bùng phát - vỡ tung, điều quan tâm hàng đầu của nhà đầu tư và những nhà làm chính sách. Những bong bóng này có ảnh hưởng vượt trội so với những dao động nhẹ hơn rất nhiều của giá hàng hoá bình thường. Suốt một thời gian dài những nhà bình luận và làm chính sách đánh giá thấp nguy cơ sụp đổ của giá nhà đất. Tuy nhiên cuộc khủng hoảng năm

2008 và ảnh hưởng tàn phá của nó lên nền kinh tế thế giới đã thay đổi mọi quan niệm.

“Cuốn sách là tài liệu bắt buộc cho bất kỳ ai muốn tìm hiểu về bong bóng và sự hình thành bong bóng tài chính, cũng như cách thức tránh bị mắc kẹt trong những bong bóng tiếp theo” - Roger Bootle, Capital Economics

Hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính hiện tại sẽ là gì? Suy thoái sẽ còn nặng nề tới đâu, liệu suy thoái có thể trầm trọng hơn không? Giá nhà sẽ còn rớt tới mức nào nữa? Liệu sự suy giảm sẽ dẫn tới giảm phát, hay những biện pháp chống suy thoái tốt cuộc sẽ lại đưa chúng ta quay trở lại lạm phát?

Đó chính là một số câu hỏi mà tác giả John Calverley tìm cách giải đáp trong cuốn sách rất kịp thời, rất “thời sự” này. Tác giả giúp chúng ta tìm hiểu điều gì đang xảy ra, chính sách có tác động như thế nào, những nhà đầu tư cần làm gì, và những gì sẽ xảy ra tới đây. Cuốn sách tập trung nghiên cứu sâu về khủng hoảng tài chính năm 2008, tìm hiểu những tác động và giải pháp cho các cá nhân, doanh nghiệp và cả những nhà làm chính sách.

Là một “cẩm nang sống sót” cho nhà đầu tư, Khi bong bóng vỡ trình bày một phân tích dễ hiểu về các cuộc khủng hoảng chúng ta đang phải đối mặt, cũng như cách thức chúng ta rơi vào tình trạng này. Tác giả “giải phẫu” hiện tượng bong bóng, đưa ra một “checklist” giúp độc giả xác định, nhận diện một bong bóng khi nó hình thành. Ông cũng phân tích rất sâu về bong bóng nhà đất và chứng khoán trên thế giới, những sự kiện và khó khăn gần đây mà chúng ta phải đối mặt, và không kém phần quan trọng là đưa ra cái nhìn của một chuyên gia về những gì sắp xảy ra trong tương lai. Thị trường Việt Nam tuy còn ở quy mô khá nhỏ bé so với khu vực và thế giới, song đã manh nha những dấu hiệu bong bóng, qua các cơn sốt địa ốc, chứng khoán và gần đây nhất là vàng, gây ra không ít rắc rối và vấn đề cho các chủ thể tham gia thị trường, cũng như các cơ quan điều tiết của Chính phủ. Cuốn sách này có thể coi là cuốn sách “giáo khoa” cơ bản cho tất cả những ai quan tâm đến hiện tượng kinh tế không mới nhưng chưa bao giờ được hiểu tường tận này! Con sóng thần tín dụng giá rẻ quét qua thế giới từ năm 2002 đến năm 2008 không phải là một hiện tượng tài chính đơn giản: đó là một sự cám dỗ, một cơ hội cho mọi xã hội phô bày những khía cạnh trong tính cách mà ở điều kiện bình thường chúng không bao giờ dám để lộ ra.

Người Iceland muốn ngừng câu cá và trở thành nhân viên ngân hàng đầu tư, người Đức muốn trở nên Đức hơn, còn người Ai-len không muốn làm người Ai-len nữa.

Cuốn sách Boomerang của Michael Lewis bắt đầu với một bản điều tra về những bong bóng vượt ra ngoài lãnh thổ nước Mỹ. Nó tuyệt vời và bi hài đến mức các độc giả người Mỹ khi đọc sẽ thốt lên một cách thoải mái và tự mãn rằng: ồ, những người ngoại quốc này thật ngu ngốc. Nhưng ngay sau đó, khi Lewis chuyển ánh nhìn không khoan nhượng về California và Washington, họ sẽ biết rằng sự hài hước chỉ là một miếng mồi dẫn họ đến một cái bẫy để họ hiểu được rằng những khoản nợ của quốc gia là con nợ lớn nhất và tham lam nhất thế giới này sắp đến hạn thanh toán.

Hầu hết chúng ta đều biết cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008, một trong những thảm họa kinh tế tồi tệ nhất lịch sử, sánh ngang với Đại Khủng hoảng 1929 – 1933, bắt nguồn

từ Mỹ. Con sóng thần tín dụng giá rẻ quét qua thế giới từ năm 2002 đến 2008 không phải là một hiện tượng tài chính đơn giản: đó là một sự cám dỗ, một cơ hội cho mọi xã hội phô bày những khía cạnh trong tính cách mà bình thường chúng không bao giờ để lộ ra. Nếu bạn có hứng thú tìm hiểu chi tiết, hãy tìm đọc cuốn *The Big Short* (Bán Không) của Michael Lewis – sẽ được Alpha Books xuất bản vào tháng 3 năm 2014. Thật ra, nếu có thể, bạn hãy đọc cuốn đó trước, rồi đọc tới cuốn sách này vì cuốn sách bạn đang cầm trên tay nói về giai đoạn sau của cuộc khủng hoảng, khi nó đã bắt đầu từ Mỹ lan rộng đi toàn thế giới. Một giai đoạn đáng sợ hơn và nguy hiểm hơn.

Sử dụng phép ẩn dụ từ tên gọi của nó, Boomerang kể về cuộc hành trình du lịch điều tra của Michael Lewis, xuất phát từ Mỹ, bay đến những điểm nóng trong cuộc khủng hoảng trên thế giới và cuối cùng quay trở lại Mỹ. Đầu tiên, tác giả sẽ đưa người đọc đến Iceland, nơi mà cả quốc gia hầu như không có chút kiến thức hay kinh nghiệm nào về tài chính cao cấp đã nhìn vào Phố Wall và nghĩ rằng có thể bắt chước nó, nơi mà những ngư dân có thể trở thành nhà ngân hàng đầu tư còn các triết gia, bác sỹ thú y hay nhà thơ thì gia nhập nhóm cố vấn kinh tế của chính phủ. Theo Lewis, vấn đề của Iceland nằm ở cá tính của quốc gia, không hề yên bình và ngọt ngào mà luôn chứa đựng sự hoang dã. Tiếp theo là Hy Lạp, với những vị cha xứ hiền lành quản lý các tu viện hàng nghìn năm tuổi đã bằng cách nào đó trở thành biểu tượng quốc gia về lòng tham và sự thối nát. Ở đây, độc giả sẽ học được rằng gian lận thuế là một đặc điểm văn hóa của Hy Lạp và làm giả dữ liệu kinh tế là cách để họ gia nhập Liên minh Châu Âu. Cuộc hành trình sẽ đưa ta tới cả Ireland, một đất nước nổi tiếng hiền lành và thân thiện, đến mức mà dù cho là quốc gia châu Âu đầu tiên chứng kiến sự lung lay của hệ thống ngân hàng, vẫn chẳng có mấy ai thể hiện sự phản đối. Lewis cho rằng nguyên nhân của điều này là do người dân Ireland đã quá quen với sự khốn khổ, nên dù bong bóng có khiến họ từ nghèo thành giàu, rồi sau đó từ giàu lại quay trở về với sự nghèo đói thì họ vẫn cảm thấy quen thuộc, dù có đau đớn. Cuối cùng, Lewis dẫn chúng ta đến Đức, quốc gia kỳ lạ nhất. Đất nước này vốn được ca ngợi vì sự kỷ luật đến mức cứng nhắc thì nay chính điều đó đã làm hại họ. Họ tuân theo quy luật rằng cứ trái phiếu xếp hạng AAA là phi rủi ro nên đã mua rất nhiều những thứ trái phiếu thế chấp dưới chuẩn rác rưởi do Phố Wall tạo ra và phải chịu hậu quả. Điểm thú vị ở đây, như tác giả đã chỉ ra, là Đức chỉ suýt bị khủng hoảng chứ không sa lầy vào nó, họ không chỉ tiêu quá khả năng hay bị thâm hụt ngân sách nặng nề. Tất cả những điều trên và còn rất nhiều câu chuyện khác nữa đều được kể chi tiết trong cuốn sách này.

Với khả năng bậc thầy trong việc kể những câu chuyện phức tạp một cách cực kỳ đơn giản và chi tiết, văn phong lối cuốn, không khô khan như tính chất của một câu chuyện kinh tế, Michael Lewis đã tạo ra một Boomerang có sức hấp dẫn khó cưỡng, với những nhân vật thú vị cùng những sự kiện kịch tính, sẽ khiến người đọc như bị cuốn mình vào trong tác phẩm, không thể dứt ra được.

Viện Chiến lược Ngân hàng hân hạnh giới thiệu đến bạn đọc cuốn sách này.

[Giới thiệu sách](#)
[Trở lại trang đầu](#)

